

Số: 72/2017/CBTT-FTM

Thái Bình, ngày 04 tháng 04 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT
TRIỂN
ĐỨC
QUÂN

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
DN: C=VN, S=THÁI BÌNH,
L=IP, Thái Bình,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐỨC QUÂN,
OID.0,9.2342.1.9200300,10
0,1.1-MST:1000400095
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2017-04-04 15:49:59

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Mã chứng khoán: FTM

Trụ sở chính: Lô A3 KCN Nguyễn Đức Cảnh – TP. Thái Bình – T. Thái Bình

Điện thoại: 0363.845.379 Fax: 0363.845.305

Người thực hiện công bố thông tin: Hoàng Xuân Chính

Địa chỉ: 35 Nguyễn Văn Tráng, P. Bến Thành, Q.1, TPHCM

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân công bố thông tin Báo thường niên năm 2016.

Thông tin này đã được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 04/04/2017 tại Website: www.fortex.com.vn.

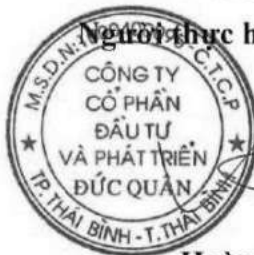
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HQĐT, BKS;
- Lưu.

TP. HCM, ngày 04 tháng 04 năm 2017

Người thực hiện công bố thông tin



Hoàng Xuân Chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐỨC QUÂN**

FORTEX

Until Perfect

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

www.fortex.com.vn



ANNUAL REPORT 2016

THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Tầm nhìn

Trên hành trình 15 năm hình thành và phát triển đến nay, CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân luôn kiên định tầm nhìn là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành dệt may Việt Nam. Mục tiêu này một phần đã thành hiện thực khi Fortex trở thành một trong các công ty sản xuất sợi cotton hàng đầu Việt Nam, đang hướng tới chuỗi giá trị khép kín của ngành công nghiệp dệt may, đồng thời là đối tác đáng tin cậy của nhiều đơn vị trong nước lẫn quốc tế.

Sứ mệnh

FORTEX cam kết mang đến cho cộng đồng những sản phẩm - dịch vụ chất lượng cao bằng việc xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp với văn hóa sáng tạo, đổi mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến hiện đại và thân thiện với môi trường nhằm tạo ra cuộc sống tốt đẹp hơn cho các thành viên FORTEX và góp phần xây dựng đất nước ngày càng văn minh, giàu đẹp.

Chiến lược phát triển

Khát vọng trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tại Việt Nam và trên thế giới trong ngành sợi dệt. Với phương châm "Vươn tới sự hoàn hảo", Công ty định hướng sẽ tiếp tục tăng công suất sản xuất và tích hợp theo chiều dọc vào chuỗi giá trị đầy đủ của ngành công nghiệp dệt may; tiếp tục cung cấp sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt và ổn định cho khách hàng; mang lại lợi ích cao hơn cho các cổ đông.

Kính thưa Quý Khách hàng, Quý Cổ đông và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân,

Năm 2016 trôi qua với nhiều diễn biến khó lường của tình hình thế giới và trong nước. Tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu thấp hơn dự báo. Những bất ổn về chính trị tại các nền kinh tế đầu tàu hay các cuộc xung đột khu vực có xu hướng gia tăng đã tác động xấu đến các vấn đề kinh tế - tài chính.

Nền kinh tế trong nước cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức bởi diễn biến phức tạp của thị trường, thời tiết và biến đổi khí hậu... Bên cạnh những khó khăn chung từ nền kinh tế thế giới, Việt Nam còn phải đối mặt với các vấn đề trong quá trình thay đổi mô hình phát triển, khắc phục hậu quả thiên tai hay các sự cố về môi trường. Theo tổng cục thống kê, tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2016 là 6,21% thấp hơn mức 6,68% năm 2015 và mức kế hoạch đặt ra đầu năm là 6,7%.

Mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức, song với kinh nghiệm và bản lĩnh của mình, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã chỉ đạo, tổ chức sản xuất kinh doanh và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã giao phó với doanh thu đạt 1.160 tỷ đồng, vượt 21,2% và lợi nhuận sau thuế đạt 37,7 tỷ đồng, vượt 90% kế hoạch.

Trước yêu cầu hội nhập quốc tế, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc xác định phải xây dựng thể mạnh cạnh tranh, không ngừng đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ cao vào sản xuất, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Năm 2017, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV với tinh thần kiên định trong chiến lược phát triển, quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, nắm bắt cơ hội, thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và những nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao. Thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân, tôi chân thành cảm ơn Quý cổ đông, đối tác, bạn hàng và toàn thể CBCNV Công ty đã tin nhiệm, đầu tư và đồng hành cùng FORTEX.

Xin kính chúc Quý vị nhiều thành công, thịnh vượng và hạnh phúc.

Chủ tịch HĐQT

Lê Mạnh Thường

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	2
1. Quá trình hình thành và phát triển	2
2. Các thành tích đạt được	3
3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh:	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
4.1. Mô hình quản trị.....	6
4.2. Cơ cấu và bộ máy quản lý.....	7
4.3. Các công ty con, công ty liên kết.....	7
5. Định hướng phát triển	7
6. Các rủi ro	8
6.1. Rủi ro về kinh tế.....	8
6.2. Rủi ro về luật pháp.....	11
6.3. Rủi ro đặc thù ngành.....	12
6.4. Rủi ro về nguyên vật liệu.....	13
6.5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu.....	13
6.6. Rủi ro khác.....	13
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM	13
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	13
1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.....	14
1.2. Những thay đổi chính trong năm.....	14
2. Tổ chức và nhân sự	14
2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành.....	14
2.2. Thay đổi ban điều hành trong năm.....	16
2.3. Nguồn nhân lực.....	16
3. Tình hình đầu tư	17
4. Tình hình tài chính	18
4.1. Tình hình tài chính.....	18
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	18
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	19
5.1. Cổ phần đang lưu hành.....	19
5.2. Cơ cấu cổ đông.....	19
5.3. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu.....	20
6. Báo cáo đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội	20
6.1. Quản lý nguồn nguyên liệu.....	20
6.2. Tiêu thụ điện năng.....	21
6.3. Tiêu thụ nước.....	21
6.4. Tuân thủ về bảo vệ pháp luật môi trường.....	22
6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.....	22
6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng	24
III. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	25
1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	25
1.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	25
1.2. Tình hình tài chính.....	27
1.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	29
2. Kế hoạch phát triển trong tương lai	30
2.1. Đánh giá tình hình chung.....	30
2.2. Các giải pháp thực hiện.....	31

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	33
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Tổng Giám đốc	33
1.1 Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	33
1.2 Về cơ cấu tài sản	34
1.3 Về cơ cấu vốn.....	34
1.4 Đánh giá của Hội đồng Quản trị liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty	34
2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty.....	34
2.1 Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	34
2.2 Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc	35
2.3 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.....	35
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	35
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	36
1. Hội đồng quản trị.....	36
2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.....	36
3. Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	36
3.1 Vai trò của Hội đồng quản trị.....	36
3.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị	37
3.3 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành	37
3.4 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.....	37
VI. BAN KIỂM SOÁT	37
1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.....	37
2. Hoạt động của Ban kiểm soát	37
2.1 Các cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	38
2.2 Kết quả làm việc của Ban Kiểm soát	38
2.3 Kế hoạch công tác năm 2017	40
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	40
3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích	40
3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	40
3.3 Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm 2016	41
3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.....	41
PHỤ LỤC.....	41

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY



Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
Tên viết tắt	FORTEX
Giấy CNĐKDN số:	1000400095 do Sở KH&ĐT Tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 30/10/2006 và thay đổi lần thứ 10 ngày 26/07/2016
Vốn điều lệ:	500.000.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng</i>)
Vốn chủ sở hữu:	567.441.750.584 đồng
Tổng tài sản:	1.677.584.149.260 đồng
Địa chỉ:	Lô A3 Khu Công Nghiệp Nguyễn Đức Cảnh - Đường Trần Thái Tông - P. Tiền Phong - Tp. Thái Bình - T. Thái Bình
Số điện thoại:	(84.36) 325 1688
Số fax:	Fax: (84.36) 325 1689
Email:	contact@fortex.com.vn
Website:	www.fortex.com.vn
Mã cổ phiếu:	FTM
Nơi niêm yết:	Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HSX)

Thương hiệu nhận diện:

FORTEX

Until Perfect

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 2006, có những cột mốc phát triển quan trọng như sau:

❖ Năm 2006

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân, tiền thân là Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình, được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo GCN ĐKKD lần đầu số 0802000861 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp với mức VDL 50 tỷ đồng.

Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình được hình thành với sự góp vốn của các cá nhân Đỗ Tất Thành, Bùi Thị Hằng, Lê Mạnh Thường, Phạm Ngọc Toàn và Đỗ Đức Dũng. Mỗi thành viên sáng lập góp 20% VDL.

❖ Năm 2007

Ngày 04 tháng 01 năm 2007 Công ty nhận được GCN Đầu tư số 08201000002 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình chấp thuận cho Công ty thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi Đại Cường Thái Bình với quy mô công suất 4.500 tấn/năm tại Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh tỉnh Thái Bình. Diện tích đất sử dụng là 2,3 ha với tổng vốn đầu tư là 277 tỷ đồng.

❖ Từ năm 2008 đến năm 2011

Ngày 10 tháng 04 năm 2007 Công ty thay đổi cơ cấu góp vốn của cổ đông sáng lập và tăng VDL lên 80 tỷ đồng theo hình thức góp vốn bằng tiền.

❖ Năm 2012

Ngày 22 tháng 02 năm 2012 Công ty thay đổi cơ cấu góp vốn của cổ đông sáng lập và tăng VDL lên 150 tỷ đồng theo hình thức góp vốn bằng tiền.

❖ Năm 2013 và năm 2014

Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân theo GCN ĐKDN số 1000400095 thay đổi lần thứ 6 ngày 27 tháng 11 năm 2013.

Các cổ đông sáng lập là ông Lê Mạnh Thường chiếm 80% VDL, ông Phạm Ngọc Toàn và ông Phạm Thành Đông, mỗi thành viên chiếm 10% VDL.

Ngày 24 tháng 12 năm 2013, Công ty thành lập Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.

❖ Năm 2015

Trong năm 2015, Công ty đã tiến hành 2 lần tăng vốn:

- Ngày 16/09/2015 Công ty tăng vốn thêm 280 tỷ đồng lên 430 tỷ đồng thông qua việc góp vốn bằng tài sản của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường.
- Ngày 31/12/2015 Công ty tăng vốn lên thành 500 tỷ đồng thông qua việc góp vốn bằng tiền mặt trị giá 28,8 tỷ đồng và bằng tài sản trị giá 41,2 tỷ đồng.

❖ **Năm 2016**

Ngày 30/06/2016 Công ty đã tiến hành Đại hội cổ đông thông qua việc đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh và các thủ tục cần thiết khác liên quan.

❖ **Năm 2017:**

Ngày 06/02/2017, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân được chính thức giao dịch trên sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) với mã chứng khoán là FTM. Cổ phiếu FTM là cổ phiếu đầu tiên được niêm yết trong năm 2017 và trở thành thành viên thứ 403 được niêm yết trên HOSE.

2. Các thành tích đạt được

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã đạt được những danh hiệu và thành tựu như sau:



Danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao cho sản phẩm sợi cotton



Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt dành cho các thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam hội nhập quốc tế



Ủy ban Nhân dân Thành phố Thái Bình chứng nhận "Doanh nghiệp tiêu biểu về đổi mới công nghệ"



Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế Quốc tế tặng
Bằng khen "Thành tích xuất sắc trong xây dựng
và phát triển Thương hiệu và tham gia hội nhập
kinh tế quốc tế"



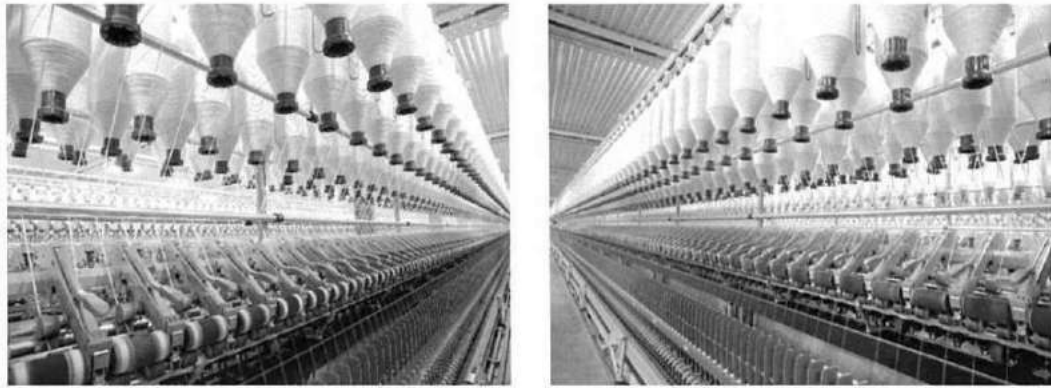
Chứng chỉ bảo hộ bởi Cục Sở hữu Trí tuệ cho
mặt hàng sợi các loại

3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân hiện đang quản lý và khai thác 3 nhà máy sợi trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Với 19.000 roto và 110.000 cọc sợi, Công ty có năng lực sản xuất lên đến 16.940 tấn sợi/năm.

Các nhóm sản phẩm chính của Công ty bao gồm:

- Sợi CD có chỉ số từ 20 đến 60: là loại sợi 100% cotton chải thô, có tính năng hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người và thường dùng để dệt các loại vải mềm trong lĩnh vực may mặc.
- Sợi CM có chỉ số Ne từ 20 đến 60: là loại sợi 100% cotton chải kỹ và thường dùng để dệt các loại vải mềm trong lĩnh vực may mặc.
- Sợi CVC có chỉ số Ne từ 30 từ 50: là loại sợi pha tỷ lệ 40% polyester và 60% cotton chải kỹ. Do có thành phần cotton cao, có khả năng hút ẩm nên sản phẩm sợi này được dùng trong lĩnh vực may mặc.
- Sợi T/CM: có thành phần 65% polyeste và 35% cotton được chải kỹ, dễ giặt sạch, là ủi và nhanh khô được sử dụng trong dệt vải quần áo may mặc ngoài trời, quần áo thể thao, ...
- Sợi PE có chỉ số sợi từ Ne 20 đến 60 là loại sợi có thành phần 100% polyeste, có khả năng cường lực tốt, nhanh khô và khi dệt tạo nên mặt vải sáng đẹp thường được dùng để dệt các loại vải gia dụng như khăn trải bàn ghế, vải sofa, rèm cửa, thảm ...



Hình 1: Dây chuyền kéo sợi tại nhà máy

Chất lượng các sản phẩm sợi và thương hiệu Công ty đạt tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với các điều kiện khắt khe của nhiều thị trường. Thương hiệu sợi Fortex đã được xuất hiện tại nhiều thị trường như Trung Quốc, Hồng Kong, Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc, Châu Âu, ...

Đơn vị: triệu đồng

Sợi các loại	Năm 2015	Tỷ trọng	Năm 2016	Tỷ trọng
Nội địa	173.502	23%	102.109	13%
Xuất khẩu	580.149	77%	677.285	87%
<i>Trung Quốc</i>	541.677	72%	656.678	84%
<i>Hồng Kông</i>	-	-	10.000	1%
<i>Châu Âu</i>	8.977	1%	10.605	2%
<i>Thổ Nhĩ Kỳ</i>	-	-	-	-
<i>Quốc gia khác</i>	29.495	4%		
Tổng cộng	753.651	100%	779.394	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Hoạt động thương mại nguyên vật liệu đầu vào bông cotton chủ yếu được bán cho các doanh nghiệp, hộ gia đình dệt sợi trong nước. Tuy nhiên, Công ty đã giảm dần tỷ trọng hoạt động thương mại này từ 37% năm 2014 xuống 23% năm 2015 và đến năm 2016 tỷ trọng này còn 13% nhằm giảm nhu cầu vốn lưu động do nhập khẩu bông.

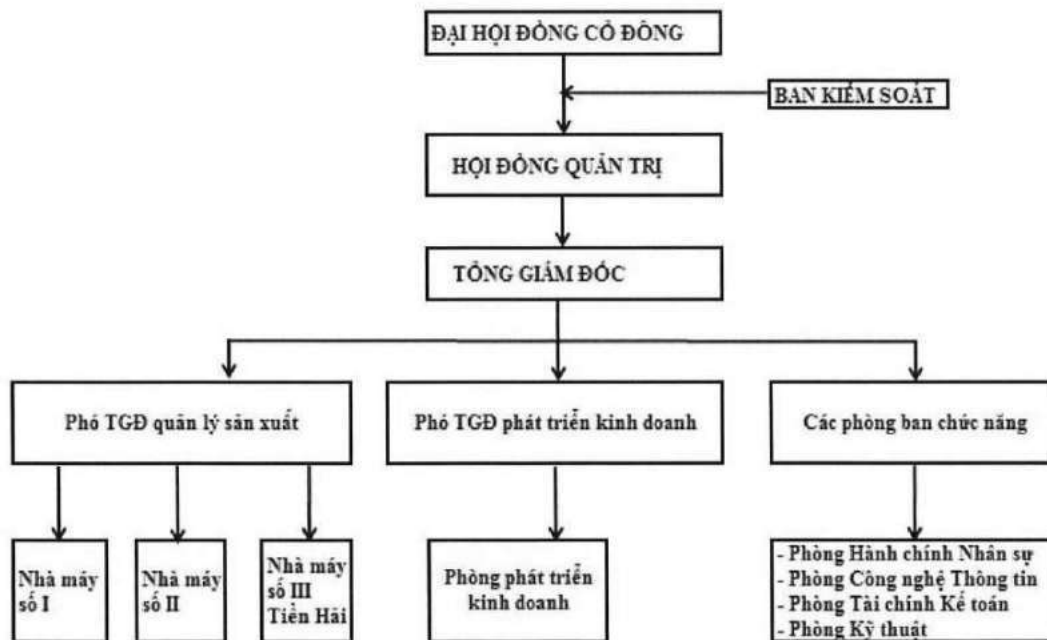
Đối tác chính của Fortex:



Hình 2: Các đối tác chính của Fortex trên thế giới

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị



Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dức Quân

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Nhờ vào nền tảng kinh nghiệm cùng với khả năng quản lý, điều hành mang tính đột phá của Ban lãnh đạo, đã thúc đẩy công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng.

4.2. Cơ cấu và bộ máy quản lý

FTM có trụ sở chính tại Lô A3 khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và 03 nhà máy.

- Nhà máy sợi số 1 đóng tại Lô A3, Khu Công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình bao gồm 2 phân xưởng: phân xưởng OE bao gồm 6.700 roto với công suất sản xuất 550 tấn sợi/năm và phân xưởng sợi cotton gồm 18.000 cọc sợi sản xuất 2.760 tấn sợi/năm.
- Nhà máy sợi số 2 đóng tại Lô A2, khu Công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình được đưa vào khai thác từ năm 2008 với tổng số cọc sợi là 38.000 cọc và công suất thiết kế tối đa 6.120 tấn thành phẩm/năm.
- Nhà máy sợi số 3 là nhà máy lớn nhất của doanh nghiệp được đóng tại khu công nghiệp Tiên Hải, thành phố Thái Bình được đầu tư xây dựng từ năm 2008 và chính thức đi vào hoạt động từ quý 1 năm 2011. Nhà máy này có 46.000 cọc sợi với công suất sản xuất 7.440 tấn sợi/năm.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết

Không có.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Tiếp tục tăng công suất sản xuất sợi có chỉ số từ 30 đến 60 để đáp ứng nhu cầu của thị trường; đồng thời nghiên cứu đầu tư nhà máy dệt vải mộc (vải trắng) và xưởng nhuộm; đầu tư mới hoặc hợp tác/mua lại nhà máy may mặc để khép kín chuỗi giá trị. Tiếp tục cung cấp sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt và ổn định cho khách hàng; Mang lại lợi ích cao hơn cho các cổ đông.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
Với các lợi thế hiện có của công ty và xu hướng phát triển của ngành sợi dệt, Công ty sẽ thực hiện chiến lược phát triển song song vừa cạnh tranh bằng chi phí hợp lý với chất lượng ổn định vừa đẩy mạnh chiến lược cạnh tranh bằng sự khác biệt, lợi thế về qui mô.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:
 - o Công ty luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững cho môi trường, xã hội và cộng đồng song song với những mục tiêu phát triển kinh tế.
 - o Các dự án công trình xây dựng của Công ty đều được thiết kế hài hòa với thiên nhiên và môi trường, an toàn trong hoạt động gắn với việc tạo công ăn việc làm, tạo thu nhập ổn định cho cư dân địa phương, nộp ngân sách cho nhà nước góp phần xây dựng bộ mặt mới cho tỉnh Thái Bình.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về kinh tế

CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân là một doanh nghiệp hoạt động đa ngành, trong đó tập chung chính vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh sợi, do đó nhân sự cao cấp và có trình độ chuyên môn giỏi là vấn đề quyết định sự thành bại của doanh nghiệp. Ý thức được rủi ro về vấn đề này Công ty tập trung đào tạo chuyên môn cho nhân viên, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, có chính sách đãi ngộ tốt để thu hút và duy trì đội ngũ nhân sự ổn định.

Bối cảnh của ngành dệt may, xơ sợi trong năm qua biến động mạnh từ các chính sách của Trung Quốc, làn sóng bán phá giá của các doanh nghiệp Trung Quốc làm cho giá sợi và nhu cầu sụt giảm mạnh. Đặc biệt thời gian gần đây các doanh nghiệp Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông ... đã xây dựng các nhà máy dệt sợi ngay ở Việt Nam để đón đầu các lợi ích từ hiệp định thương mại mang lại điều này đã làm cho rủi ro của ngành và rủi ro cạnh tranh tăng cao. Để hạn chế các rủi ro trên Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân đã tập trung đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa khách hàng, xây dựng danh mục khách hàng thân thiết, xây dựng thương hiệu uy tín về chất lượng sản phẩm và dịch vụ, kiểm soát chi phí chặt chẽ hạn chế mọi rủi ro có thể mang lại.

Đối với vấn đề rủi ro về sản xuất: Thiên tai (động đất, bão, lũ, lụt) hay cháy nổ hoặc hành động phá hoại làm tổn thất tài sản thì CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân đã mua bảo hiểm toàn bộ cho các rủi ro này.

Tăng trưởng kinh tế

▪ Kinh tế thế giới

Năm năm sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 diễn ra, tình hình kinh tế thế giới giai đoạn 2013 – 2015 đã có biến chuyển mang chiều hướng tích cực hơn so với giai đoạn trước, góp phần tạo lập nền tảng tốt cho sự phục hồi và ổn định trở lại

trong năm 2016.

Theo dự báo của Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế xã hội quốc gia (NCSIEF) dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới nói chung và một số khu vực sẽ phục hồi nhanh trong vòng 5 năm tới.

Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới và một số khu vực:

Đơn vị: %

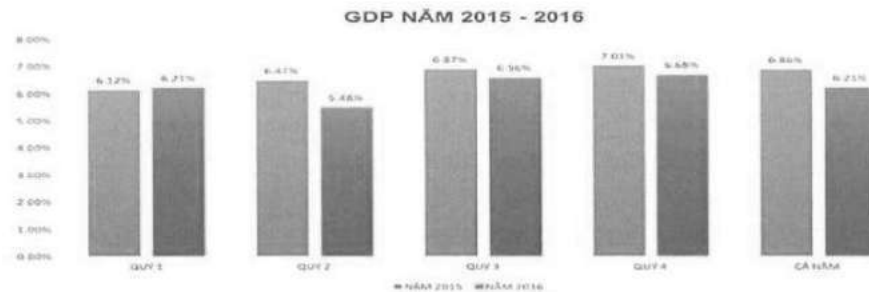
Giai đoạn	Thế giới	OECD	Trung Quốc	EU-27	Euro Zone	Mỹ	Nhật
Năm 2015	3,7	2,4	6,9	1,8	1,5	2,7	1,2
Năm 2016–2020	4,1	2,8	6,8	2,3	2,2	3,1	0,9

Nguồn: NCSIEF tháng 2/2014

Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế của một số khu vực thị trường nhập khẩu xơ sợi và sản phẩm dệt may lớn trên thế giới như Châu Âu, Mỹ, Nhật, Trung Quốc ... có ảnh hưởng không những đến việc định hướng thị trường tiêu thụ, kế hoạch đầu tư tăng năng suất và mở rộng các nhà máy của Công ty mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng và giá trị xuất khẩu của Công ty trong tương lai. Với việc hơn 60% doanh số Công ty đến từ thị các thị trường như Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc... tình hình kinh tế thế giới thuận lợi sẽ có nhiều tác động tích cực đến sản lượng tiêu thụ của Công ty.

▪ *Kinh tế Việt Nam*

Không nằm ngoài quy luật, nền kinh tế Việt Nam đã từng bước hồi phục từ Quý 3 năm 2013 và đang trở lại đà tăng trưởng, dù mức tăng trưởng còn chậm. Tổng cục Thống kê đã công bố tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 tăng 6,21% thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng là 6,7%.



Hình 3: So sánh tốc độ tăng trưởng GDP theo quý của năm 2015 và 2016

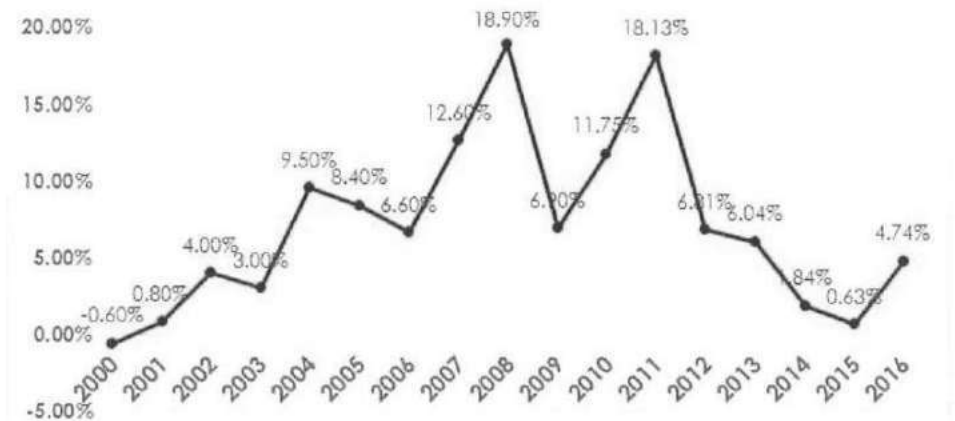
Mặc dù không đạt chỉ tiêu đã đề ra nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, trong nước gặp nhiều khó khăn thì mức trên đã là một thành công. Hiện tại, nền kinh tế Việt Nam vẫn có một số điểm đáng quan ngại, ảnh hưởng đến sự phát triển của các doanh nghiệp trong nước như thu nhập thực tế của người lao động thấp, phổ biến trong khoảng 3 triệu đồng/tháng, hàng hóa tồn kho cao và sức mua kém.

Tuy là một doanh nghiệp sản xuất sợi trong nước, nhưng với hơn 60% sản phẩm tiêu thụ tại thị trường quốc tế, những khó khăn trên cũng không gây ra quá nhiều bất lợi cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

❖ **Lạm phát**

Lạm phát ở Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến phức tạp và biến động với biên độ khá lớn tạo ra những biến động bất thường về giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Tỷ lệ lạm phát Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2015, Chính phủ đã thực hiện nhiều giải pháp tích cực để kiềm chế lạm phát. Kết quả là năm 2015 tỷ lệ lạm phát đã xuống mức 0,63%, thấp nhất trong vòng 14 năm trở lại đây. Năm 2016, tỷ lệ lạm phát đã tăng mạnh trở lại, tuy nhiên vẫn được kiểm soát thành công khi đạt mức 4,74%.

Đối với doanh nghiệp sản xuất sợi như Fortex, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá điện và chi phí nhân công. Bên cạnh đó, tình hình lạm phát cũng ảnh hưởng đến khối doanh

nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu – những khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào.

❖ **Lãi suất**

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Trong năm 2016, theo Ngân hàng Nhà nước, mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6% - 7%/năm đối với ngắn hạn và 9% - 10%/năm đối với trung, dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8% - 9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3% - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với nhóm khách hàng tốt, tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, lãi suất cho vay từ 4% - 5%/năm.

Tại ngày 31/12/2016, Công ty đang có dư nợ vay dài hạn giá trị 373 tỷ đồng, trong đó lãi suất vay dao động từ 6,3% đến 10,3%. Mặt bằng lãi suất thấp hiện tại là điều kiện thuận lợi để các Công ty hoạt động tốt như Fortex tiếp cận với nguồn vốn vay giá rẻ để giải ngân cho các dự án đầu tư mở rộng của mình một cách hiệu quả.

❖ **Tỷ giá hối đoái**

Rủi ro biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu hay các giao dịch ngoại tệ.

Hiện nay mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sử dụng nhiều ngoại tệ để nhập nguyên vật liệu đầu vào nhưng do hơn 60% sản phẩm của Công ty xuất khẩu ra nước ngoài nên Công ty có thể chủ động ổn định nguồn ngoại tệ (chủ yếu là USD), đảm bảo cân bằng thanh toán. Ngoài ra, để hạn chế ảnh hưởng và rủi ro của biến động tỷ giá đến lợi nhuận, Công ty đã đề ra chính sách quản lý chặt chẽ, đa dạng hóa nguồn cung cấp từ các nước và có kế hoạch xuất nhập khẩu ổn định.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Sự thay đổi của các chính sách pháp luật về thuế, hải quan, bảo vệ môi trường, lao động có thể làm tăng chi phí của doanh nghiệp thì Công ty đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để thích nghi tốt nhất với những thay đổi này.

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm

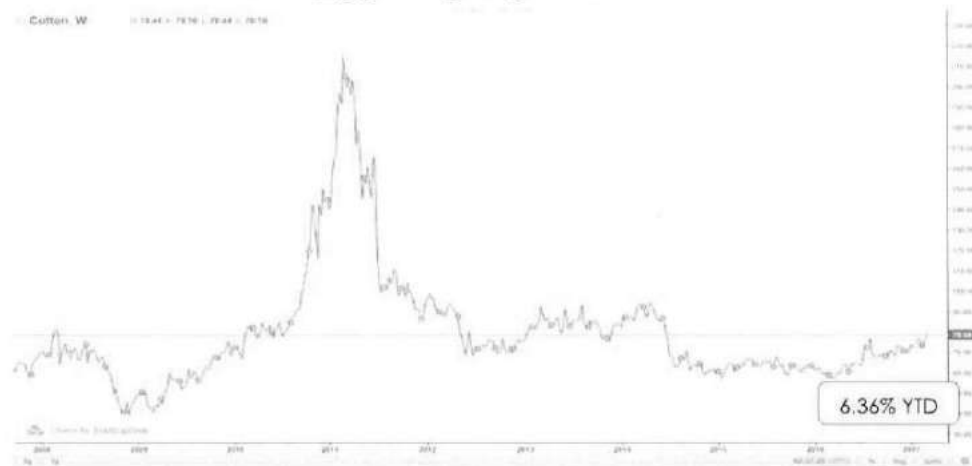
phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu từ các nước như Mỹ, Châu Phi, Ấn Độ... và xuất hàng chủ yếu sang Trung Quốc.

6.3. Rủi ro đặc thù ngành

Với lĩnh vực sản xuất sợi, bông là nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng 70% giá thành sợi thành phẩm. Tuy nhiên, bông là sản phẩm nông nghiệp do đó chất lượng, số lượng và giá cả bông phụ thuộc vào vụ mùa, thời tiết, chính sách điều tiết sản lượng cung ứng của các khu vực lớn trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Châu Phi ...

Giá bông biến động liên tục theo ngày và tương đối khó dự đoán, trong quá khứ, giá bông có mức biến động bất thường và có thời điểm đạt đỉnh 195,7 cents/pound vào tháng 3/2011 và liên tục giảm xuống mức 56,38 cents/pound tháng 3/2016. Trong khi đó các doanh nghiệp Việt Nam vẫn phải nhập khẩu tới 90% lượng bông phục vụ sản xuất do chúng ta chưa có vùng trồng bông rộng và đủ sản lượng đáp ứng.

Biến động giá bông thế giới năm 2010 – 2016



Nguồn: <http://www.tradingeconomics.com/commodity/cotton>

Đây là một rủi ro đặc thù của Công ty trong trường hợp giá bông thế giới tăng/ giảm đột biến khi các đơn hàng đã ký kết theo giá giao ngay. Nhằm giảm thiểu rủi ro từ sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Fortex đã chủ động mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu, từ các thị trường Tây Phi, Bắc Mỹ và Ấn Độ, để không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhà cung cấp nào.

Ngoài ra Công ty cũng chủ động điều chỉnh giá bán dựa theo giá nguyên vật liệu đầu vào tại từng thời điểm khác nhau. Với một số mặt hàng đặc biệt, Công ty đã có hợp đồng dài hạn với các khách hàng, ổn định về giá bán ở mức cao, hạn chế rủi ro từ việc biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

6.4. Rủi ro về nguyên vật liệu

Ngành sản xuất sợi gồm hai chủng loại đó là sợi được chế biến từ bông là sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm sợi được chế biến từ sợi nhân tạo được làm từ dầu mỏ. Việc tăng giảm giá dầu mỏ cũng làm ảnh hưởng đến giá bán của sản phẩm sợi thiên nhiên.

Có thể nói, giá cả của sản phẩm sợi sẽ biến động theo tỷ lệ thuận của giá dầu, trong các năm lại đây giá dầu thô của thế giới liên tục giảm đã tác động trực tiếp để giá bán của ngành sợi thiên nhiên. Tuy nhiên, đến nay giá dầu thô đã đi vào ổn định trở lại, cùng với việc tổ chức các nước sản xuất dầu mỏ đã hợp và thống nhất giảm sản lượng đó là tin vui cho ngành sản xuất sợi tự nhiên.

6.5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Việc cổ phiếu Fortex được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đánh dấu mốc son mới trong quá trình hình thành và phát triển của Fortex. Qua đó, tính thanh khoản và độ hấp dẫn sẽ được nhà đầu tư đánh giá hợp lý hơn, tạo điều kiện cho kế hoạch huy động vốn tiến đến việc phát triển bền vững trong tương lai.

Tuy nhiên, giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu sự tác động của nhiều yếu tố bên cạnh tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực hoạt động của Công ty như: tình hình kinh tế trong nước và thế giới, biến động của thị trường tài chính, tâm lý nhà đầu tư và các chính sách, quy định khác của pháp luật. Sự biến động về giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất của Công ty dẫn đến sự nhận định, đánh giá của thị trường chưa đúng với giá trị thật của Fortex.

6.6. Rủi ro khác

Ngoài những loại rủi ro đã được liệt kê ở trên, còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng như các hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão, lụt...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo... mà Công ty có thể sẽ phải đối mặt. Đây là những rủi ro ít có khả năng xảy ra, tuy nhiên nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Năm 2016			Thực hiện 2016/2015
		Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/Kế hoạch	
Sản lượng sợi sản xuất (tấn)	13.300	16.560	13.842	84%	104%
Doanh thu thuần (tỷ VNĐ)	962,84	958,00	1.160,65	121%	121%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	69,88	20,00	37,69	188%	54%

1.2 Những thay đổi chính trong năm

- Đã hoàn thành các chỉ tiêu chính trong năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.
- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều được duy trì hoạt động ổn định theo đúng định hướng phát triển.
- Đảm bảo tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Trong năm Công ty đã hoàn tất các thủ tục và niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trên các thị trường tiềm năng cả về chiều rộng cũng như việc đa dạng hoá sản phẩm tại thị trường. Mở rộng nhiều thị trường Philipin, Hàn Quốc, Sri Lanka và Malaysia.
- Duy trì và thực hiện tốt các chế độ cho người lao động của Công ty cũng như đảm bảo hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Mai	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Ngọc Bảo	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Đức Cảnh	Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Mai

- Ngày tháng năm sinh: 12/02/1973
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân DH kinh tế - ngành kế toán doanh nghiệp sản xuất – Trường DH Tài chính kế toán Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - + 1995 – 7/2000: Nhân viên kế toán Công ty xây lắp 2 Thái bình
 - + 8/2000 – 10/2003: Nhân viên kế toán trung tâm nước vệ sinh môi trường nông thôn
 - + 11/2003 – 8/2010: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tập Đoàn Đại Cường
 - + 8/2010 – 6/2011: Ban quản lý dự án Fortex
 - + 7/2011 – 4/2012: Quản lý bộ phận bán hàng của Fortex – CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 - + 4/2012 – 11/2015: Phó TGD Fortex phụ trách Bộ phận Kế toán tài chính - CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 - + 1/2016 – 3/2016: Thành viên BKS - CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 - + 4/2016 – Nay: Tổng Giám đốc - CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 - + 6/2016 – Nam: Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Ông Nguyễn Duy Chiến

- Ngày, tháng, năm sinh: 27/05/1957
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:
 - + 9/2007 – nay: Phó TGD CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Ông Lưu Ngọc Bảo

- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế
- Quá trình công tác:
 - + 2005 - 2008: Công ty TNHH KPMG Phó Phòng Kiểm Toán
 - + 2009 - 2010: VPĐD PXP Vietnam Asset Management Chuyên viên phân tích

+ 2010 – 2011:	CTCP Chứng khoán Sacombank Chuyên viên
+ 2012 - 2013:	Công ty TNHH QLQ Techcombank Phó GD Đầu Tư
+ 2013 – 2015:	Công ty TNHH Quản lý Đầu tư Kusto Trưởng Bộ phận Phân tích Tài chính
+ 2015 – 4/2016:	Công ty TNHH Tambour Vietnam Phó Tổng Giám Đốc
+ 5/2016 – nay:	Giám đốc tài chính - TruMan Holdings Vietnam
+ 6/2016 – nay:	Thành viên HĐQT Kiểm GD Tài chính CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Ngày tháng năm sinh:	04/08/1980
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế, Chuyên ngành tài chính, Chứng chỉ kế toán trưởng.
- Quá trình công tác:	
Từ năm 2014-Nay:	Trưởng phòng Tài chính Kế toán CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

2.2 Thay đổi ban điều hành trong năm

Trong năm Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm ông Lưu Ngọc Bảo chức danh Giám đốc Tài chính Công ty.

2.3 Nguồn nhân lực

Hiện tại Công ty đang có 912 lao động, trong đó lao động thuộc khối văn phòng là 102 người, lao động trực tiếp tại các phân xưởng là 810 người.

Nội dung	Năm 2016	Năm 2015
Phân theo trình độ	0,24%	0,24%
Trên đại học	4,24%	3,65%
Đại học	10,13%	9,19%
Cao đẳng	10,48%	9,66%
Trung cấp nghề	82,33%	84,69%
PTTH	-	-
Phân theo giới tính	50,33%	46,60%

Nam	49,67%	53,40%
Nữ	0,24%	0,24%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

- Với nhận thức nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định thành công của doanh nghiệp, Công ty đã chú trọng khâu tuyển dụng nhằm thu hút đội ngũ lãnh đạo cũng như cán bộ có trình độ và kinh nghiệm. Bộ máy lãnh đạo Công ty gồm nhiều chuyên gia có trình độ cao, được đào tạo bài bản và đặc biệt là hầu hết đều đã gắn bó với Công ty từ ngày đầu thành lập. Với tầm nhìn chiến lược và định hướng đúng đắn, Công ty cũng thu hút được nhiều nhân tài có kinh nghiệm chuyên sâu, có thâm niên công tác để đảm nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng ban, các nhà máy sản xuất.
- Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty cũng chú trọng xây dựng mức lương thưởng hợp lý, môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh để phát triển, khẳng định bản thân, giúp nhân viên toàn tâm toàn ý cho sự phát triển chung của Công ty.
- Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ, thoáng mát, bố trí nhà ở nội trú cho cán bộ công nhân viên ở xa, tổ chức các chương trình văn hoá văn nghệ thể thao, du lịch,... tạo sân chơi giải trí sau giờ làm việc cho cán bộ công nhân viên.
- Công ty áp dụng chế độ thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc cho các cá nhân và tập thể xuất sắc. Bên cạnh đó công ty thực hiện chế độ thưởng theo tháng, quý và năm để động viên người lao động hăng say làm việc.
- Ngoài ra, các hoạt động đoàn thể được đẩy mạnh theo chủ trương tạo môi trường sinh hoạt chính trị cho mọi công dân; tại Công ty: Đảng bộ, Công đoàn, Hội liên hiệp thanh niên... là các tổ chức tích cực trong công tác đoàn hội và góp phần không nhỏ trong việc tạo môi trường làm việc lành mạnh cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư

Trong năm 2017, Công ty tập trung để hoàn thành dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Đức Quân 6 công suất 8.700 tấn thông qua ngân hàng tài trợ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Hà Nội. Dự kiến nhà máy Đức Quân 6 sẽ đi vào hoạt động vào đầu quý 4 năm 2017.

Trong năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường nhằm phát triển dự án Tổ hợp Căn hộ, văn phòng và thương mại 55 Trần Nhật

Duật, Phường Tân Định, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh với số tiền đầu tư vào dự án này là 115.000.000.000 đồng. Chi tiết dự án đầu tư 55 Trần Nhật Duật như sau:

- Tên dự án: Dự án: Tổ hợp căn hộ, văn phòng và thương mại 55 Trần Nhật Duật
- Quy mô dự án: 4.955m² đất, tổng diện tích sàn công trình 51.092 m²
- Địa chỉ: Số 55 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Quy mô vốn đầu tư: Dự kiến 1.365 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế dự án: Dự kiến 520 tỷ đồng.
- Thời gian hoàn thành dự án: 4 năm

Với dự án tiềm năng này Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đức Quân sẽ thu được nhiều doanh thu và lợi nhuận vào các năm tiếp theo sau khi đi vào đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu hợp nhất	<i>DVT: Tỷ đồng</i>		
	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	1.476,33	1.677,59	14%
Doanh thu thuần	962,85	1.160,65	21%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	66,63	36,00	-46%
Lợi nhuận khác	12,69	4,09	-68%
Lợi nhuận trước thuế	79,32	40,09	-49%
Lợi nhuận sau thuế	69,88	37,69	-46%

(Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,43	1,39
+ Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ – Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,0	1,02
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,64	0,66
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,79	1,95
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho	7,93	5,15
$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,65	0,69
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</i>		
+ Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,3%	3,2%
	13,2%	6,6%
+ Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4,7%	2,2%
+ Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,9%	3,1%
+ Hệ số: Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần đang lưu hành

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ
Tổng số cổ phần đang giao dịch	50.000.000	100,00%
Cổ phần tự do chuyển nhượng	27.786.500	55,57%
Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	22.213.500	44,43%

(Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân)

5.2 Cơ cấu cổ đông

– Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2016

STT	Cổ đông	SLCP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
I	Cổ đông trong nước				
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	50.000.000	500.000.000.000	100,00	318

Cổ đông nước ngoài					
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0	0
II	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
	Tổng cộng	50.000.000	500.000.000.000	100.00	318

(Nguồn: Theo Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân)

– **Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5%**

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Giấy chứng thực	SL CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Lê Mạnh Thường	Số 287, phố Lý Thường Kiệt, phường Trần Lãm, TP. Thái Bình	034075000017 ngày cấp 31/01/2013 bởi Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	12.000.000	24,00
2	Lê Thùy Anh	L2505 Tòa nhà Vincom - 72 Lê Thánh Tôn - Q1 - TPHCM	151712715 ngày cấp 05/12/2005 bởi CA Thái Bình	10.766.500	21,53
3	Phạm Đình Giá	Thụy Liên - Thái Thụy - Thái Bình	151700927, ngày cấp 06/12/2004, Công An Thái Bình	4.310.000	8,62
4	Nguyễn Duy Chiến	Thụy Liên - Thái Thụy - Thái Bình	034057001063 ngày cấp 09/06/2015 bởi Cục CS ĐKQL cư trú và ĐLQG về dân cư	2.750.000	5,50

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

5.3 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

❖ **Các giao dịch về vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Năm 2015 VND	Năm 2016 VND
– Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	500.000.000.000
– Vốn góp tăng trong năm	350.000.000.000	0
– Vốn góp cuối năm	500.000.000.000	500.000.000.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

6. Báo cáo đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội

6.1 Quản lý nguồn nguyên liệu

a. Danh sách nguyên vật liệu sử dụng để sản xuất

ST T	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng sử dụng năm 2015	Số lượng sử dụng năm 2016
I	NGUYÊN LIỆU			
1	Bông cotton	Tấn	9.594	14.754
II	VẬT LIỆU PHỤ			
1	Ống côn	Cái	7.037.060	7.323.910
2	Hộp carton	Chiếc	79.617	231.044
3	Bao PP	Chiếc	427.186	379.273

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng trong sản xuất tăng mạnh do tăng trưởng về sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong năm 2016.

b. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế và được sử dụng để sản xuất sản phẩm

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng sử dụng năm 2015	Số lượng sử dụng năm 2016
1	Bông phế	Tấn	267	320

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Cùng với sự gia tăng về lượng nguyên vật liệu được sử dụng, Công ty cũng tích cực tái chế nguyên liệu để đưa vào sản xuất, giảm lượng phế thải ra môi trường, không gây ô nhiễm môi trường, đồng thời góp phần làm giảm tác động xấu của các hoạt động sản xuất công nghiệp tới môi trường xung quanh.

6.2 Tiêu thụ điện năng

Do đặc thù sản xuất sử dụng điện năng là chính nên hàng năm lượng tiêu thụ điện của Công ty khoảng hơn 50 triệu KW. Việc sử dụng điện được tiết kiệm tối đa trên hầu hết các thiết bị sản xuất, thiết bị chiếu sáng. Ngoài ra công ty thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng thiết bị sản xuất và khuyến khích CBCNV trong tập đoàn có những sáng kiến cải tiến trong sản xuất nhằm giảm thiểu chi phí tiêu thụ điện tại các công đoạn trong nhà máy.

Ngoài ra, để hạn chế tối đa các nguồn điện lãng phí, Đức Quân luôn có kế hoạch kiểm tra thường xuyên các hoạt động có tiêu thụ điện năng để cắt bỏ những khâu có gây lãng phí.

6.3 Tiêu thụ nước

Do đặc thù của ngành sản xuất chỉ sử dụng nước cho sinh hoạt của CBCNV là chính đồng thời Công ty cũng tái sử dụng vào hệ thống phun ẩm làm mát cho xưởng nên Công ty cũng ký kết hợp đồng với Công ty nước sạch Thái Bình, nước sạch Tiên Hải sử dụng cho 3 nhà

máy ở Thành phố Thái bình và nhà máy ở Khu Công nghiệp Tiên Hải, với lượng nước sử dụng trung bình như sau:

Đơn vị cung cấp nước sạch	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
Cty CP nước sạch Thái Bình	Triệu m ³	40	53

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Hiện tại nước thải sinh hoạt của Công ty được ký kết và đấu nối với đường thoát nước của Khu công nghiệp.

6.4 Tuân thủ về bảo vệ pháp luật môi trường

Trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường của Nhà nước. Công ty thường xuyên có ý thức và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra trong các báo cáo, tuân thủ các quy định và hướng dẫn bảo vệ môi trường quản lý, không gây ô nhiễm và không làm ảnh hưởng xấu tới chất lượng môi trường cho khu vực.

Do vậy trong quá trình hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

❖ Chế độ làm việc

Đối với nhân viên quản lý, khối văn phòng, bộ phận lao động gián tiếp bộ phận thí nghiệm, bộ phận điều không, bộ phận suốt da làm việc 6 ngày/ tuần và 8h/ngày.

Công nhân công nghệ làm việc theo ca, trong đó 1 ngày có 3 ca, 8h/ca.

- + Nghỉ phép, lễ, Tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước.
- + Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng qui định của nhà nước.
- + Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.
- + Công ty xác định vấn đề sức khỏe và an toàn lao động là mục tiêu quan trọng hàng đầu nên hàng năm Công ty liên kết với các bệnh viện đa khoa của Thành phố vào khám và tư vấn sức khỏe cho người lao động. Tổ chức các lớp tập huấn về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm cho người lao động.

- + Bên cạnh việc bảo vệ sức khỏe cho người lao động thì vấn đề chăm lo tới đời sống CBCNV luôn được duy trì. Hàng năm Công ty đều tổ chức các giải bóng đá phong trào giao lưu giữa các phòng ban và nhà máy, tổ chức cho CBCNV đi thăm quan nghỉ mát, tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ bản thân hoặc gia đình CBCNV Công ty bị ốm đau, hiếu, hỷ...vvv.



Hình 4: Hoạt động thể thao của CBCNV Công ty được tổ chức hàng năm

- + Động viên, khuyến khích CBCNV tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BH24h đầy đủ để quyền lợi của người lao động được đảm bảo hơn.
 - + Công ty luôn có những chính sách khuyến khích, khen thưởng kịp thời đối với những CBCNV có sáng kiến tiết kiệm và tăng năng suất sản xuất cho công ty, hàng năm đều có quỹ giúp đỡ hỗ trợ CBCNV thuộc gia đình có hoàn cảnh khó khăn.
- ❖ **Chính sách lương, thưởng và phúc lợi**

Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được cố định còn được thưởng căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền ăn ca, tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch. Tạo cho người lao động yên tâm để gắn bó và làm việc hết mình cho doanh nghiệp. Hàng năm Công ty đều tổ chức đánh giá định kỳ năng lực, khả năng hoàn thành công việc của cán bộ nhân viên để thực hiện nâng lương, thưởng 1 tháng lương thứ 13 để

khuyến khích mọi thành viên nỗ lực phấn đấu trong công việc.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến trong hoạt động đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty.

❖ **Chính sách tuyển dụng và đào tạo**

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác. Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Hỗ trợ kinh phí đào tạo trong và ngoài nước cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật.

Hàng quý đều tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật.

Tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng

Với báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng và hoạt động xanh sạch đẹp, Công ty thường xuyên triển khai các chương trình quan trọng như: Chương trình ISO&5S, Chương trình tham gia ủng hộ đồng bào lũ lụt, tham gia các chương trình trồng cây xanh vì môi trường, hưởng ứng chương trình xây dựng nước sạch tại Tiền Hải, ủng hộ quỹ vì người nghèo của Thái Bình.



Hình 5: Hoạt động chăm lo cộng đồng và xã hội của Công ty hàng năm

III. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Tình hình thực hiện các chỉ tiêu

CHỈ TIÊU	DVT	Kế hoạch Năm 2016	Thực hiện Năm 2016	% TH so với KH
Sản lượng	Tấn	16.560,00	13.842,00	83,59
Doanh thu	Tỷ đồng	958,00	1.160,65	121,1
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	828,30	1.053,80	127,22
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	45,90	59,00	128,54
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	22,00	37,68	171,27

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2016 và Nghị quyết ĐHCD ngày 30/06/2016

- Sản lượng sản xuất đạt 13.842 tấn, so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đạt 83,59% nguyên nhân là do ảnh hưởng của cơn bão số 1 nên tháng 8 và tháng 9 không có sản lượng.

- Doanh thu đạt 1.160 tỷ đồng so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 tăng 21% bởi doanh thu thực tế bao gồm cả phần doanh thu của hoạt động thương mại (kinh doanh nguyên liệu bông).
- Giá vốn hàng bán 1.053 tỷ so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 tăng 27% bao gồm cả giá vốn kinh doanh nguyên liệu.
- Chi phí tài chính năm 2016 là 59 tỷ, so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 tăng 28% nguyên nhân là do chi phí lãi vay của Ngân hàng cao hơn năm trước đồng thời tăng hạn mức vay thêm 100 tỷ tại Ngân hàng BIDV để nhập nguyên liệu nên chi phí tài chính cao hơn so với kế hoạch.
- Lợi nhuận thực hiện là 37,6 tỷ, so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 tăng 71,27%, lợi nhuận này bao gồm cả hoạt động kinh doanh thương mại trong khi theo kế hoạch thì đơn thuần chỉ lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh sợi.

❖ **Công tác sản xuất, kinh doanh**

Năm 2016 giá cả thị trường ngành sợi thế giới biến động lớn, giá bông diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng không ít đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đứng trước tình hình trên, công ty đã có nhiều giải pháp:

- Quản lý, kiểm soát siết chặt các định mức: chi phí nguyên liệu, vật tư, phụ tùng, vật liệu phụ, điện năng, và các chi phí phát sinh đầu vào, đầu ra.
- Tổ chức sản xuất luân phiên 3 ca, hạn chế thời gian ngừng máy, nâng cao hiệu suất huy động máy móc thiết bị và năng suất lao động.
- Tăng cường công tác Marketing, phát triển thị trường đặc biệt là thị trường xuất khẩu.
- Tăng cường công tác dự báo sự biến động của giá cả thị trường để có những quyết sách phù hợp.

Các giải pháp trên bước đầu đã mang lại hiệu quả, sản lượng, năng suất, hiệu suất đã được nâng lên, tiêu hao nguyên vật liệu giảm, chất lượng sản phẩm đã ổn định thương hiệu sản phẩm sợi FORTEx có chỗ đứng trên thương trường từ đó vượt qua giai đoạn khó khăn thách thức để đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

❖ **Công tác chất lượng, kỹ thuật**

- Năm 2016 công ty tiến hành thuê đơn vị tư vấn là INNAMA về khảo sát, xây dựng, hệ thống hóa và ban hành lại bộ tiêu chuẩn 5S của toàn công ty, đồng thời tăng

cường duy trì kiểm tra kiểm soát để bộ tiêu chuẩn 5S đi vào thực tế sản xuất của các nhà máy.

- Tiến hành sắp xếp lại đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cử người tham gia các chương trình tập huấn hội thảo về nâng cao chất lượng quản lý sản xuất, quản lý công nghệ, quản lý máy móc thiết bị tại nước ngoài. Cử các đoàn tham quan học tập tại các đơn vị trong ngành để cải tiến và ứng dụng vào thực tiễn sản xuất của Công ty nhằm đạt hiệu quả cao.

❖ **Công tác lao động tiền lương, chế độ chính sách cho người lao động**

- Trong năm 2016 công ty tiến hành nâng lương cho toàn bộ CB.CNV của toàn công ty thêm 10% để khuyến khích người lao động yên tâm công tác gắn bó lâu dài với công ty, đồng thời thu hút nguồn lao động có tay nghề về với công ty trong bối cảnh nguồn lao động đang bị thiếu hụt tại các công ty sợi.
- Công ty đã tính toán và chi trả lương đầy đủ, kịp thời cho người lao động, đặc biệt đối với những tháng bị ngừng sản xuất do ảnh hưởng của cơn bão, Công ty đã lên phương án hỗ trợ ngày công và tiền lương cho người lao động nhằm chia sẻ những khó khăn, giữ ổn định thu nhập tạo thêm sự tin tưởng gắn bó giữa người lao động với công ty.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động như trích nộp và đóng đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN; chi trả trợ cấp chế độ BHXH, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CB.CNV trong toàn công ty.
- Hàng năm, vào dịp cuối năm Công ty đã tổ chức hội người lao động, chi trả lương thưởng để tri ân những đóng góp của người lao động trong 1 năm.
- Trong năm Công ty đã chăm lo bữa ăn giữa ca, tổ chức cho toàn bộ người lao động tham quan nghỉ mát, thực hiện quỹ khuyến học trao quà cho con em CBCNV có thành tích học tập tốt..., ngoài ra còn nhiều hoạt động thể hiện sự quan tâm đến phúc lợi xã hội và quyền lợi của người lao động trong công ty.

1.2 Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản của Công ty qua 04 năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
----------	----------	----------	----------	----------

	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	336.557	63,2%	382.531	68,1%	584.940	39,6 %	859.360	51,2 %
Tài sản dài hạn	195.556	36,8%	179.172	31,9%	891.393	60,4 %	818.224	48,8 %
Tổng tài sản	532.113	100%	561.703	100%	1.476.333	100 %	1.677.584	100 %

Nguồn: các Báo cáo tài chính kiểm toán của CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 Tổng tài sản của Công ty tăng lên liên tục trong những năm qua do hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được mở rộng liên tục. Trong những năm qua, Công ty triển khai xây dựng nhà xưởng, đầu tư máy móc, thiết bị ... cho nhà máy số 4 và 5 nên tăng mạnh, đặc biệt vào năm 2015.

b. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tài sản ngắn hạn (Tr.đ)	336.557	382.531	584.940	859.360
Nợ ngắn hạn (Tr.đ)	292.293	270.166	407.415	618.834
Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,2	1,4	1,4	1,4

Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty ở mức khá an toàn và có xu hướng cải thiện tốt qua các năm, thể hiện: Năm 2013, 2014, 2015 và 2016 các chỉ tiêu khả năng thanh toán của công ty ở mức ổn định và nhìn chung là ở mức bình quân trong xu hướng của toàn ngành: khả năng thanh toán hiện hành năm 2013, 2014, 2015 và năm 2016 lần lượt là 1,2; 1,4; 1,4; 1,4 lần. Điều này cho thấy Công ty sử dụng nguồn vốn ngắn hạn hiệu quả, đồng thời không gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ ngắn hạn.

Hệ số thanh toán nhanh

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Hệ số thanh toán nhanh	0,6	1,3	1,0	1,0

Hệ số thanh toán nhanh của Công ty cũng không có sự biến động lớn trong những năm qua, giao động quanh mức an toàn.

Hệ số thanh toán dài hạn

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tài sản dài hạn (Tr.đ)	195.556	178.172	891.393	818.224
Nợ dài hạn (Tr.đ)	131.196	140.814	539.163	491.308
Hệ số thanh toán dài hạn	1,5	1,3	1,7	1,7

Khả năng thanh toán nợ dài hạn của Công ty luôn duy trì ở mức lớn hơn 01 lần và tại thời điểm cuối năm 2016 là 1,7 lần, với Công ty được đánh giá là tốt.

1.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a. Công tác tổ chức, quản lý, chỉ đạo sản xuất

Năm 2016 giá cả thị trường ngành sợi thế giới biến động lớn, giá bông diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng không ít đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đứng trước tình hình trên, công ty đã có nhiều giải pháp:

- Quản lý, kiểm soát siết chặt các định mức: chi phí nguyên liệu, vật tư, phụ tùng, vật liệu phụ, điện năng, và các chi phí phát sinh đầu vào, đầu ra.
- Tổ chức sản xuất luân phiên 3 ca, hạn chế thời gian ngừng máy, nâng cao hiệu suất huy động máy móc thiết bị và năng suất lao động.
- Tăng cường công tác Marketing, phát triển thị trường đặc biệt là thị trường xuất khẩu.
- Tăng cường công tác dự báo sự biến động của giá cả thị trường để có những quyết sách phù hợp.

Các giải pháp trên bước đầu đã mang lại hiệu quả, sản lượng, năng suất, hiệu suất đã được nâng lên, tiêu hao nguyên vật liệu giảm, chất lượng sản phẩm đã ổn định thương hiệu sản phẩm sợi FORTEX có chỗ đứng trên thương trường từ đó vượt qua giai đoạn khó khăn thách thức để đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

b. Công tác chất lượng, kỹ thuật

- Năm 2016 công ty tiến hành thuê đơn vị tư vấn là INNAMA về khảo sát, xây dựng, hệ thống hóa và ban hành lại bộ tiêu chuẩn 5S của toàn công ty, đồng thời tăng

cường duy trì kiểm tra kiểm soát để bộ tiêu chuẩn 5S đi vào thực tế sản xuất của các nhà máy.

- Tiến hành sắp xếp lại đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cử người tham gia các chương trình tập huấn hội thảo về nâng cao chất lượng quản lý sản xuất, quản lý công nghệ, quản lý máy móc thiết bị tại nước ngoài. Cử các đoàn tham quan học tập tại các đơn vị trong ngành để cải tiến và ứng dụng vào thực tiễn sản xuất của Công ty nhằm đạt hiệu quả cao.

c. Công tác lao động tiền lương, chế độ chính sách cho người lao động

- Trong năm 2016 Công ty tiến hành nâng lương cho toàn bộ CB.CNV của toàn công ty thêm 10% để khuyến khích người lao động yên tâm công tác gắn bó lâu dài với công ty, đồng thời thu hút nguồn lao động có tay nghề về với công ty trong bối cảnh nguồn lao động đang bị thiếu hụt tại các công ty sợi.
- Công ty đã tính toán và chi trả lương đầy đủ, kịp thời cho người lao động, đặc biệt đối với những tháng bị ngừng sản xuất do ảnh hưởng của cơn bão, Công ty đã lên phương án hỗ trợ ngày công và tiền lương cho người lao động nhằm chia sẻ những khó khăn, giữ ổn định thu nhập tạo thêm sự tin tưởng gắn bó giữa người lao động với công ty.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động như trích nộp và đóng đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN; chi trả trợ cấp chế độ BHXH, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CB.CNV trong toàn công ty.
- Hàng năm, vào dịp cuối năm Công ty đã tổ chức hội người lao động, chi trả lương thưởng để tri ân những đóng góp của người lao động trong 1 năm.
- Trong năm Công ty đã chăm lo bữa ăn giữa ca, tổ chức cho toàn bộ người lao động tham quan nghỉ mát, thực hiện quỹ khuyến học trao quà cho con em CBCNV có thành tích học tập tốt..., ngoài ra còn nhiều hoạt động thể hiện sự quan tâm đến phúc lợi xã hội và quyền lợi của người lao động trong công ty.

2. Kế hoạch phát triển trong tương lai

2.1 Đánh giá tình hình chung

- Tình hình kinh tế và chính trị trên Thế giới vẫn diễn biến không ổn định, tốc độ phục hồi kinh tế thế giới khá chậm, đồng thời việc Mỹ quyết định rút khỏi Hiệp định Thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP) (Mỹ là quốc gia nhập khẩu dệt may lớn nhất trong

khối TPP) được cho là những dấu hiệu khó khăn của ngành Dệt may nói chung và ngành sợi nói riêng trong năm 2017.

- Trong nước, nền kinh tế sẽ vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do nợ công tăng. Mục tiêu chính trong năm vẫn là giữ ổn định kinh tế vĩ mô và tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) tương đương như năm 2016.
- Đầu tư nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực Dệt may tăng mạnh gây áp lực cạnh tranh về thị trường nội địa, đặc biệt là lao động.
- Mặc dù năm 2017 được đánh giá vẫn là khó khăn, tuy nhiên với các bản đạp đã được xây dựng trong năm 2016, công ty sẽ quyết tâm với nỗ lực cao nhất để vượt qua mọi khó khăn, thách thức nhằm đưa FORTEX phát triển cao hơn năm 2016.

2.2 Các giải pháp thực hiện

a. Giải pháp về thị trường

- Tập trung xây dựng và phát triển vững chắc thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các thị trường tiềm năng như Hàn Quốc, Malaysia... đồng thời khai thác mới vào các thị trường mà Việt Nam đang có lợi thế cạnh tranh và tận dụng tối đa cơ hội tại các thị trường trong nội khối TPP.
- Thiết lập chuỗi chặt chẽ với một số doanh nghiệp dệt để đảm bảo ổn định một tỷ trọng sản lượng sản xuất và tiêu thụ trên cơ sở đảm bảo cam kết chất lượng và hiệu quả của các bên; đồng thời có chính sách phù hợp để ổn định số lượng khách hàng truyền thống trên cơ sở xây dựng các mặt hàng truyền thống – đặc thù có tính cạnh tranh cao.
- Đầu tư đào tạo và phát triển đội ngũ Marketing và sales hoạt động trên toàn cầu có đủ tâm, đủ tầm, có kỹ năng và nghiệp vụ giỏi, am hiểu quy trình công nghệ sản xuất, có khả năng xử lý công việc và đàm phán với khách hàng để từng bước chiếm lĩnh và mở rộng thị trường kể cả nội địa và xuất khẩu. Đồng thời có cơ chế lương và thưởng xứng đáng cho đội ngũ này.
- Bên cạnh đó công ty cũng chú trọng vào công tác nghiên cứu, phân tích đánh giá và dự báo về thị trường, về đối thủ cạnh tranh nhằm tận dụng tốt cơ hội chiếm lĩnh thị trường, hạn chế rủi ro, đảm bảo phát triển bền vững.

b. Công tác sản xuất

- Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt bằng các giải pháp đồng bộ, khoa học; tăng

cường kiểm soát các định mức: tiêu hao nguyên – nhiên- vật- phụ liệu, năng suất, chất lượng, lao động, các chi phí phát sinh đầu vào, đầu ra để tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm nhằm nhanh chóng chiếm ưu thế về khả năng cạnh tranh, về ổn định chất lượng.

- Ổn định nguyên liệu bông đáp ứng yêu cầu sản xuất, giảm thiểu thời gian lên xuống máy góp phần nâng cao năng suất, hiệu suất sử dụng máy đạt 93 – 95%.
- Bảo đảm chất lượng sản phẩm Nept dưới 300 điểm, tiêu hao nguyên liệu sợi chải thô đạt 1.12; sợi chải kỹ là 1.30; đồng thời các nhà máy chủ động về việc pha phối nguyên liệu hạn chế dôi lô và đưa ra các giải pháp tiết kiệm điện để hạ giá thành sản phẩm.

c. Chương trình đầu tư phát triển

Trong năm 2017, Công ty tập trung để hoàn thành các dự án đầu tư chủ yếu sau:

- Đầu tư xây dựng dự án xây dựng Nhà máy Đức Quân 6 công suất 8.700 tấn thông qua ngân hàng tài trợ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Bắc Hà Nội.
- Triển khai hệ thống phần mềm ERP, kết nối số liệu sản xuất, kinh doanh tài chính với Ban điều hành để có những chỉ đạo kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh công ty.

d. Giải pháp về nhân lực

- Tập trung xây dựng tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý nhằm sắp xếp hợp lý để có kế hoạch đào tạo.
- Đổi mới công tác tuyển dụng lao động bằng nhiều hình thức thích hợp từ nguồn bên trong là con em CB.CNV và bên ngoài để bổ sung thay thế kịp thời số lao động nghỉ việc và cho dự án đầu tư Nhà máy Đức Quân 6.
- Đào tạo lại công nhân và bổ sung kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý chuyên môn nghiệp vụ các cấp. Tổ chức thi tay nghề cho CB.CNV để làm cơ sở sắp xếp lại bậc lương nâng cao tiền lương và thu nhập cho CB.CNV Công ty, bảo đảm đời sống cho người lao động, tạo sự yên tâm gắn bó làm việc ổn định lâu dài với công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện quy chế về tiền lương, tiền thưởng, các phúc lợi nhằm xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý, tương xứng với khả năng và đóng góp của

CB.CNV đồng thời làm cơ sở để thu hút nhân lực về làm việc cho Công ty.

- Tiếp tục duy trì và phát huy mạnh mẽ các nét đẹp văn hóa đã trở thành truyền thống quý báu của Công ty, tinh thần đoàn kết trên dưới một lòng, sự chân thành cởi mở giúp đỡ lẫn nhau, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong công việc...coi đây là nhiệm vụ quan trọng để xây dựng nền tảng vững chắc cho công ty phát triển hiệu quả và bền vững.

e. Giải pháp về tài chính

- Linh hoạt sử dụng các đòn bẩy tài chính và tích cực trong việc tìm kiếm và sử dụng những nguồn vốn vay, vốn tài trợ có lãi suất ưu đãi, cạnh tranh.
- Làm việc với Ngân hàng BIDV chi nhánh Bắc Hà Nội để nâng hạn mức vay và hạn mức mở LC để chủ động trong việc nhập nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó sẽ cân nhắc lựa chọn các kênh huy động vốn tối ưu nhất, đảm bảo đủ nguồn vốn với chi phí hợp lý cho đầu tư.
- Nâng cấp hệ thống cung cấp thông tin, dữ liệu về tài chính kế toán bằng phần mềm ERP để phục vụ tốt nhất cho hoạt động quản trị, điều hành của lãnh đạo Công ty.

3. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Tổng Giám đốc

1.1 Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/Giảm	%Tăng/Giảm
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	963.106	1.161.171	198.065	20,6%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	962.847	1.160.654	197.807	20,5%
Giá vốn hàng bán	(842.833)	(1.053.807)	(210.974)	25,0%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	120.013	106.847	(13.167)	-11,0%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	66.629	36.000	(30.629)	-46,0%
Lợi nhuận khác	12.692	4.090	(8.602)	-67,8%

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	79.322	40.090	(39.231)	-49,5%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	69.882	37.687	(32.195)	-46,1%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	3.024	754	(2.270)	-75,1%

1.2 Về cơ cấu tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/Giảm m	%Tăng/Giảm m
Tài sản ngắn hạn	584.940	859.360	274.420	46,9%
Tài sản dài hạn	891.393	818.224	(73.169)	-8,2%
Tổng tài sản	1.476.333	1.677.584	201.251	13,6%

1.3 Về cơ cấu vốn

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/Giảm	%Tăng/Giảm
Nợ ngắn hạn	407.415	618.834	211.419	51,9%
Nợ dài hạn	539.163	491.308	(47.855)	-8,9%
Tổng nợ	946.578	1.110.142	163.564	17,3%
Vốn chủ sở hữu	529.755	567.442	37.687	7,1%
Tổng nguồn vốn	1.476.333	1.677.584	201.251	13,6%
Giá trị sổ sách/cổ phiếu (VND/CP)	10.595	11.349	754	7,1%

Các chỉ tiêu trên cho thấy, năm 2016 công ty hoàn thành tương đối tốt kế hoạch SXKD đã được ĐHCĐ thông qua, các lợi ích của cổ đông và người lao động đều được đảm bảo.

1.4 Đánh giá của Hội đồng Quản trị liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty

Công ty đã thực hiện đúng các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

2.1 Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc có 02 thành viên gồm: Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc được phân công phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Trong năm qua, Ban Tổng

Giám đốc đã có những chính sách, biện pháp sát với tình hình thực tế, chỉ đạo, điều hành xuyên suốt các phòng ban và đơn vị trực thuộc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đề ra.

2.2 Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT Công ty định hướng chỉ đạo, theo dõi và giám sát đối với việc quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc công ty thông qua:

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư của Công ty, kịp thời đưa ra các biện pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, đảm bảo thực hiện tốt các kế hoạch, nhiệm vụ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát của mình.
- Thông báo đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đến các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua.
- Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT duy trì chế độ họp giao ban sản xuất định kỳ 1 tháng 1 lần với Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Ban chuyên môn nghiệp vụ Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị, đồng thời có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp, đảm bảo các quyết định chỉ đạo của HĐQT được kịp thời và bám sát tình hình SXKD thực tế của công ty.

2.3 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Ban TGD đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Ban Tổng Giám đốc đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHĐCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong việc thực hiện quản lý, điều hành công ty và các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.
- Trong năm qua, Ban TGD đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế của công ty, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- ❖ Tích cực nghiên cứu các giải pháp, chiến lược phát triển, đa dạng hóa nguồn vốn nhằm giúp công ty đạt hiệu quả cao hơn, mang lại giá trị cho cổ đông.
- ❖ Tích cực chỉ đạo Ban TGD tăng cường các hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nhằm giảm giá thành, tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao để cung cấp sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt và ổn định cho khách hàng;
- ❖ Nghiên cứu các phương án, chiến lược đầu tư và phát triển lâu dài cho Công ty, ưu tiên đầu tư xây dựng và cải tạo, nâng cấp các nhà máy hiện có, đồng thời thúc đẩy tiến độ dự án đầu tư mở rộng công suất sản xuất nhà máy Đức Quân 6 tại KCN Tiền Hải, nâng cao năng suất, chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh;
- ❖ Liên tục tìm kiếm các đối tác, hợp tác cùng phát triển để mang lại lợi ích cao hơn cho các cổ đông;
- ❖ Phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái và trách nhiệm với cộng đồng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	
			(chốt ngày 28/11/2016)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT	12.000.000	24,0%
2	Ông Hoàng Xuân Chính	Phó Chủ tịch HĐQT	0	
3	Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên HĐQT	200.000	0,4%
4	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	30.000	0,06%
5	Ông Lưu Ngọc Bảo	Thành viên HĐQT	0	

2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực cụ thể.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

3.1 Vai trò của Hội đồng quản trị

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của FTM, HĐQT là cơ quan quản lý của

Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty.

3.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2016, các phiên họp của Hội đồng quản trị được tổ chức theo Điều lệ và Quy chế quản trị công ty. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Công ty, diễn biến của thị trường, kịp thời đưa ra các giải pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, điều hành công ty vượt qua khó khăn, thách thức.

Trong năm, HĐQT đã tổ chức các phiên họp tập trung chủ yếu vào các vấn đề: góp vốn hợp tác đầu tư, lưu ký chứng khoán, niêm yết chứng khoán và các nội dung khác theo Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-ĐQ ngày 30/06/2016.

3.3 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành

Các thành viên HĐQT độc lập, không điều hành đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, tham gia đầy đủ các phiên họp và các hoạt động của HĐQT, phát huy vai trò phân biệt đối với các thành viên HĐQT khác và Ban điều hành.

3.4 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Do Công ty mới niêm yết trên TTCK TPHCM từ tháng 2 năm 2017 nên hiện tại các thành viên HĐQT công ty chưa tham gia lớp đào tạo về quản trị Công ty do UBCKNN tổ chức và chưa được cấp chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

VI. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Phạm Khánh Tâm	Trưởng Ban	0,00%
2	Vũ Hồng Thái	Thành viên	4,00%
3	Nguyễn Thị Lưu	Thành viên	0,02%

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung chính sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện công tác tài chính; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên.
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban Kiểm soát đã kiểm tra các văn bản nội bộ của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông.

2.1 Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trong năm 2016, các thành viên Ban Kiểm soát đã tổ chức họp theo quy định tại Điều lệ Công ty với sự có mặt đầy đủ của tất cả các thành viên. Ngoài ra, các thành viên Ban Kiểm soát còn thường xuyên trao đổi công việc qua điện thoại, email... nhằm giải quyết kịp thời các công việc đột xuất hoặc trao đổi để làm rõ các vấn đề chuyên môn liên quan. Nội dung chính của các cuộc họp như sau:

- Bầu Trưởng Ban Kiểm soát
- Lập kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2016.
- Thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Trao đổi và đánh giá báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016.
- Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2016, và công tác hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, tình hình thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016.
- Báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Kiểm soát.
- Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2.2 Kết quả làm việc của Ban Kiểm soát

➤ Giám sát tình hình thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông 2016

Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 như sau:

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 theo Nghị Quyết

Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua, như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết DHDCĐ	Thực hiện 2016	% Thực hiện
1	Sản lượng	tấn	16.560	13.843	84%
2	Doanh thu thuần	tỷ đồng	958	1.161	121%
	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	22	40	182%
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	20	38	190%

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện tất cả các thủ tục liên quan đến việc đăng ký toàn bộ cổ phiếu đã phát hành tại Trung Tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
- Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2016. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế là đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán các công ty đại chúng và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
- Chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2016 theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 thông qua.

➤ *Thẩm định báo cáo tài chính*

- Ban Kiểm soát đã thẩm định báo cáo tài chính năm 2016 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh các báo cáo tài chính.
- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép theo quy định.
- Các báo cáo tài chính năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.
- Các báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.
- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty như sau: “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng

yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

➤ *Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc*

- Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty năm 2016, Ban Kiểm soát không thấy khác thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty.
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đã phản ánh đầy đủ các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, các văn bản, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến độ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại chưa hoàn thành và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2016.

2.3 Kế hoạch công tác năm 2017

Ban Kiểm soát thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty; tiếp tục thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, và thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích được chi trả cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2016 tuân theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, là 413.500.000 VNĐ.

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2016, không có giao dịch cổ phiếu giữa các cổ đông nội bộ.

3.3 Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm 2016

Trong năm, Công ty đã phát sinh một số các giao dịch với các bên liên quan. Các giao dịch này đã được trình bày trong thuyết minh các báo cáo tài chính tại Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn nỗ lực tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến quản trị công ty nói chung cũng như các quy định quản trị riêng đã được ban hành tại Công ty, bao gồm:

- Luật Doanh nghiệp
- Điều lệ Công ty
- Quy chế Quản trị Công ty

Năm 2016, Công ty đã tuân thủ tất cả các quy định trọng yếu của pháp luật về quản trị công ty, liên quan đến cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và công bố thông tin. Ngoài ra trong năm, Công ty cũng đã thực hiện các biện pháp nhằm quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức đảm bảo việc quản trị, giám sát các rủi ro trong Công ty, trong đó Hội đồng Quản trị giám sát rủi ro ở mức cao nhất của Công ty, và tất cả các phòng ban chức năng thực hiện quản lý rủi ro hàng ngày, tuân thủ theo quy trình sản xuất kinh doanh và các quy định kiểm soát của Công ty.
- Xây dựng, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Các chính sách quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của thị trường và hoạt động của Công ty trong từng giai đoạn.
- Có cơ chế kiểm tra đột xuất việc thực hiện các quy trình và các bước kiểm soát đã xây dựng.

PHỤ LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016



Tháng 3 năm 2017

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 37

172
CÔNG
NHIỆP
M. TI
ẤN T
UỒI
KUA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Tiền Phong, Thành Phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Lê Mạnh Thường	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Hoàng Xuân Chính	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
3. Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên Hội đồng quản trị
4. Ông Lưu Ngọc Bảo	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 28/02/2017)
5. Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

1. Nguyễn Thị Mai	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 08/04/2016)
2. Trịnh Tấn Hoàng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08/04/2016)
2. Ông Nguyễn Duy Chiến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Mai
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 03 năm 2017

3-C
K
H
I VÀ
H
H
T.P.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 80.03/2017/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân, được lập ngày 15 tháng 03 năm 2017, từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 05 tháng 02 năm 2016.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Ngày 15 tháng 03 năm 2017

Trần Thiện Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		859.360.165.272	584.939.815.566
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	124.288.942.591	6.473.952.985
1. Tiền	111		123.752.700.398	5.964.015.190
2. Các khoản tương đương tiền	112		536.242.193	509.937.795
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	105.141.190.297
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	105.141.190.297
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		503.823.376.550	293.493.799.715
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	280.415.843.648	258.989.452.784
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	89.622.024.061	18.980.513.504
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	133.785.508.841	15.523.833.427
IV. Hàng tồn kho	140		229.810.431.083	179.631.986.970
1. Hàng tồn kho	141	5.7	229.810.431.083	179.631.986.970
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.437.415.048	198.885.599
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.437.415.048	198.885.599
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		818.223.983.988	891.393.194.015
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	290.945.418
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	290.945.418
II. Tài sản cố định	220		775.733.528.312	852.387.000.146
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	775.733.528.312	852.387.000.146
- Nguyên giá	222		1.003.767.196.761	1.001.503.856.960
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(228.033.668.449)	(149.116.856.814)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.735.676.815	21.415.163.195
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	21.735.676.815	21.415.163.195
IV. Tài sản dài hạn khác	260		20.754.778.861	17.300.085.256
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	4.591.489.130	3.380.204.781
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		16.163.289.731	13.919.880.475
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.677.584.149.260	1.476.333.009.581



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.110.142.398.676	946.578.068.445
I. Nợ ngắn hạn	310		618.834.039.361	407.414.668.819
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	170.530.246.362	120.684.649.970
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	2.544.250.270	911.707.415
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	22.821.856.161	23.058.831.131
4. Phải trả người lao động	314		4.177.380.482	3.475.065.776
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	38.762.038.354	9.077.708.998
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	13.411.720.511	4.055.270.491
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	366.547.857.056	246.112.744.873
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.690.165	38.690.165
II. Nợ dài hạn	330		491.308.359.315	539.163.399.626
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.10	118.021.024.039	120.599.813.893
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	373.287.335.276	418.563.585.733
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		567.441.750.584	529.754.941.136
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	567.441.750.584	529.754.941.136
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.441.750.584	29.754.941.136
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		29.754.941.136	722.870.655
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37.686.809.448	29.032.070.481
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.677.584.149.260	1.476.333.009.581



Nguyễn Thị Mai
 Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Đức Cảnh
 Kế toán trưởng

Hoàng Khắc Huy
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.161.170.997.292	963.105.680.787
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		517.055.970	259.058.864
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.160.653.941.322	962.846.621.923
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.053.807.323.127	842.833.307.569
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		106.846.618.195	120.013.314.354
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	18.487.142.062	10.449.628.573
7. Chi phí tài chính	22	6.4	59.064.793.556	37.346.454.650
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		53.150.384.322	27.267.110.824
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	6.012.752.907	9.155.330.533
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	24.256.405.523	17.331.889.879
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.999.808.271	66.629.267.865
11. Thu nhập khác	31	6.6	20.533.635.047	15.039.722.104
12. Chi phí khác	32	6.7	16.443.149.615	2.347.338.551
13. Lợi nhuận khác	40		4.090.485.432	12.692.383.553
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.090.293.703	79.321.651.418
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	2.403.484.255	9.439.580.980
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.686.809.448	69.882.070.438
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	754	3.024
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		754	3.024



Nguyễn Thị Mai
 Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 03 năm 2017

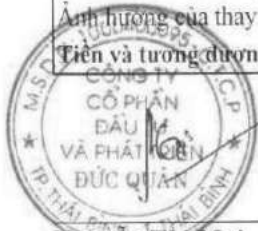
Nguyễn Đức Cảnh
 Kế toán trưởng

Hoàng Khắc Huy
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	40.090.293.703	79.321.651.418
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	78.937.917.317	33.358.061.834
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.197.027.294	1.029.311.341
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.463.472.329)	(9.102.406.169)
Chi phí lãi vay	06	53.150.384.322	27.267.110.824
3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	166.912.150.307	131.873.729.248
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(104.427.833.214)	(134.281.144.253)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(50.178.444.113)	(126.901.931.321)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	58.100.925.630	41.694.176.087
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(2.424.725.446)	(2.082.886.845)
Tiền lãi vay đã trả	14	(25.144.485.608)	(35.633.793.790)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	8.918.770.608	70.000.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(115.384.383.376)	(70.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(63.628.025.212)	(125.331.850.874)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.630.047.455)	(23.624.160.227)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(76.063.288.741)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	105.141.190.297	120.902.098.444
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.772.054.689	7.672.561.923
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	106.283.197.531	28.887.211.399
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	(100.000.000.000)	28.777.829.794
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	100.000.000.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.100.784.207.682	834.808.178.220
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.025.625.345.956)	(767.816.415.466)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(10.830.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	75.158.861.726	84.939.592.548
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	117.814.034.045	(11.505.046.927)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.473.952.985	17.979.311.896
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		955.561	(311.984)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	124.288.942.591	6.473.952.985



Nguyễn Thị Mai
 Tổng Giám đốc
 Thái Bình, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Đức Cảnh
 Kế toán trưởng

Hoàng Khắc Huy
 Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000400095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 30 tháng 10 năm 2006. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô A3, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình. Công ty có văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh ở địa chỉ: Phòng 1408B, tòa nhà Vincom, số 72 đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 927 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 912 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 07 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng) tương ứng với 50.000.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 16 tháng 01 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cấp Quyết định Niêm yết số 16/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (FORTEX) niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Ngày 06 tháng 02 năm 2017, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân chính thức giao dịch với mã chứng khoán là FTM.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là Sản xuất và kinh doanh các loại sợi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	08 - 22
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	02 - 10
Thiết bị văn phòng	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

ĐỨC QUÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho dự án nhà máy kéo sợi 4.500 tấn – Đại Cường 2 của Công ty là 15% lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (là năm 2009). Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 08201000002 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp ngày 04 ngày 01 năm 2007, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (là năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 7 năm tiếp theo.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Dự án Xưởng kéo sợi OE công suất 1.740 tấn/năm và dự án Xưởng kéo sợi PE công suất 2.000 tấn/năm (thuộc nhà máy Đại Cường 1) thuế suất ưu đãi 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2004), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 6 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (năm thứ 4 có doanh thu là năm 2007) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 8 năm tiếp theo.

Dự án nhà máy Đại Cường 5 công suất 8.700 tấn/năm: Thuế suất ưu đãi 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2012), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (năm thứ tư có doanh thu là năm 2015) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 5 năm tiếp theo.

Hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	452.128.357	145.946.276
Tiền gửi ngân hàng (*)	123.300.572.041	5.818.068.914
Các khoản tương đương tiền (**)	536.242.193	509.937.795
Cộng	124.288.942.591	6.473.952.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền (Tiếp theo)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có số dư các khoản tiền gửi ngân hàng như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngân hàng TP bank- CN Trung Hòa Nhân Chính	50.001.100.000	-
Ngân hàng TP bank- CN Thăng Long	50.000.000.000	-
Tiền gửi tại các ngân hàng khác	23.299.472.041	5.818.068.914
Cộng	123.300.572.041	5.818.068.914

(**) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) - Chi nhánh Hải Phòng với kỳ hạn dưới 1 tháng và hưởng lãi suất 5%/năm.

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	-	49.304.076.297
Ông Phạm Thành Đông	-	27.918.557.000
Ông Phạm Ngọc Toàn	-	27.918.557.000
Cộng	-	105.141.190.297

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Nguyễn Đức	26.186.827.360	37.735.615.510
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Việt	3.250.000.000	29.844.740.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Phúc	16.893.609.610	22.843.609.610
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	13.069.856.520	39.701.339.520
Công ty Cổ phần Tân An	32.312.233.495	37.715.160.725
Công ty Cổ phần Phát triển xây dựng Vinaland	39.287.589.494	-
Công ty TNHH Dệt may Thiên Phú	26.236.741.893	-
Công ty TNHH TM & DVXK Thanh Nam	22.448.494.484	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tân Phú	13.016.042.174	14.636.421.261
Công ty Cổ phần Bông Thiên Hà	10.266.025.495	10.241.915.814
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	-	1.536.698.618
Công ty Cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Dacutex	-	8.461.687.684
Các khoản phải thu khách hàng khác	77.448.423.123	56.272.264.042
Cộng	280.415.843.648	258.989.452.784

b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh 7.2)

7123
 IG T
 HEM H
 TOÁN
 TÀI C
 ĐC TẾ
 AN-3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	63.599.365.962	6.861.930.112
Công ty TNHH Trường Mạnh Holdings Việt Nam	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Khang Gia	1.500.000.000	-
Công ty TNHH Thái Việt	6.895.081.481	-
Các đối tượng khác	16.627.576.618	12.118.583.392
Cộng	89.622.024.061	18.980.513.504

b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh số 7.2)

5.5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Tạm ứng	-	5.456.935.288
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	7.581.271.590
- Lãi phạt khách hàng trả chậm	7.171.658.340	1.429.844.246
- Lãi cho cổ đông vay	4.747.199.943	1.055.782.303
- Công ty CP Bất Động sản Đại Cường (*)	115.000.000.000	-
- Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (**)	6.866.650.558	-
Cộng	133.785.508.841	15.523.833.427

b. Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (Xem thuyết minh số 7.2)

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 30112016 ngày 30 tháng 11 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường. Theo đó Công ty đầu tư 115.000.000.000 đồng để đầu tư vào dự án Khu thương mại dịch vụ căn hộ và văn phòng cho thuê tại số 55 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường. Khoản đầu tư có thời hạn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Sau khi dự án thực hiện thành công, công ty được hưởng 3000m² sản thương mại văn phòng của dự án, tương đương 38,3 triệu đồng/m² (đã bao gồm thuế GTGT) tại vị trí đã được phê duyệt theo thỏa thuận giữa 2 bên hoặc Công ty được hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn cộng một khoản lãi với lãi suất 15%/năm tính trên tổng số tiền nhà đầu tư đã thực góp. Tài sản đảm bảo cho khoản đầu tư này là 11.500.000 cổ phiếu của ông Lê Mạnh Thường tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân.

(**) Khoản phải thu Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt là tiền bồi thường đối với tổn thất tại nhà máy số 5 sau ảnh hưởng của cơn bão. Khoản phải thu này đã được thanh toán trong tháng 01 năm 2017.

HẠN VÀ ĐINH PHÁP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 (*)	10.596.218.253	10.275.704.633
Hệ thống phần mềm SAP và server (**)	11.139.458.562	11.139.458.562
Cộng	21.735.676.815	21.415.163.195

(*) Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 được triển khai tại Khu công nghiệp Khí mỏ Tiền Hải, tỉnh Thái Bình và khởi công từ tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư 505.749.772.160 đồng.

(**) Theo biên bản góp vốn ngày 29 tháng 12 năm 2015 và biên bản giao nhận tài sản góp vốn ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường đã góp vốn vào Công ty bằng chi phí đầu tư hệ thống phần mềm SAP và server đi kèm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty vẫn đang trong quá trình phát triển tiếp hệ thống này trước khi đưa vào vận hành chính thức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÁN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.7. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	25.324.912.263	-
Nguyên liệu, vật liệu	118.058.215.356	-	48.590.300.897	-
Công cụ, dụng cụ	15.805.140.189	-	18.910.475.182	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.728.831.737	-	9.734.599.279	-
Thành phẩm	86.063.140.122	-	61.284.908.863	-
Hàng hoá	155.103.679	-	15.786.790.486	-
Cộng	229.810.431.083	-	179.631.986.970	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có một số hàng tồn kho được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 16).



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUẢN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

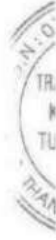
MẪU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	165.413.913.297	834.404.489.117	1.621.818.182	63.636.364	1.001.503.856.960
Mua trong năm	-	2.309.533.835	-	-	2.309.533.835
Phân loại lại theo TT 45/2013/TT-BTC	-	(46.194.034)	-	-	(46.194.034)
Tại ngày 31/12/2016	165.413.913.297	836.667.828.918	1.621.818.182	63.636.364	1.003.767.196.761
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	8.659.316.048	140.311.014.252	143.212.120	3.314.394	149.116.856.814
Khấu hao trong năm	8.472.677.577	70.282.307.923	174.977.272	7.954.546	78.937.917.317
Phân loại lại theo TT 45/2013/TT-BTC	-	(21.105.682)	-	-	(21.105.682)
Tại ngày 31/12/2016	17.131.993.625	210.572.216.493	318.189.392	11.268.940	228.033.668.449
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	156.754.597.249	694.093.474.865	1.478.606.062	60.321.970	852.387.000.146
Tại ngày 31/12/2016	148.281.919.672	626.095.612.426	1.303.628.790	52.367.425	775.733.528.312

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 775.720.317.424 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 852.326.678.176 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 81.818.182 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	450.434.527	198.885.599
- Chi phí mua bảo hiểm	986.980.521	-
Cộng	1.437.415.048	198.885.599
b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.127.423.567	3.380.204.781
- Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	464.065.563	-
Cộng	4.591.489.130	3.380.204.781

5.10. Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	37.907.518.198	7.217.644.362
- Các khoản trích trước khác	854.520.156	1.860.064.636
Cộng	38.762.038.354	9.077.708.998
b) Dài hạn		
- Chi phí lãi vay (*)	118.021.024.039	120.599.813.893
Cộng	118.021.024.039	120.599.813.893

(*) Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01A/2014/HDODA-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2014/HĐTDĐT-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình, tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30/11/2014 là 46.898.504.116 đồng. Số lãi vay này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến tháng 1 năm 2023.

Theo Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD - NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình, tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30/9/2014 là 82.522.519.923 đồng. Số lãi vay này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến quý 1 năm 2025.

Các khoản lãi vay ngắn hạn và dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	37.907.518.198	7.217.644.362
Trong năm thứ hai	11.800.000.000	7.600.000.000
Sau hai năm	106.221.024.039	112.999.813.893

5.11. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	484.410.000	210.033.000
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.757.884.704	1.636.173.910
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.169.425.807	2.209.063.581
Cộng	13.411.720.511	4.055.270.491

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÁN
 Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
 Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Ecom Agroindustrial Corp. LTD	21.210.696.073	21.210.696.073	62.685.852.975	62.685.852.975
Toyoshima & Co., LTD	19.186.268.122	19.186.268.122	17.426.244.825	17.426.244.825
Uday Cotton Industries	18.364.372.980	18.364.372.980	15.857.291.250	15.857.291.250
Paul Reinhart AG Limited	-	-	7.011.643.725	7.011.643.725
Om Shiva Commodities Hong Kong LTD	63.229.930.182	63.229.930.182	-	-
CDI CTTON DISTRIBUTORS INCORPORATED	16.472.019.460	16.472.019.460	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	32.066.959.545	32.066.959.545	17.703.617.195	17.703.617.195
Cộng	170.530.246.362	170.530.246.362	120.684.649.970	120.684.649.970

b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

5.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Kelisha garments & weaving Co.,LTD JinJiang	2.144.844.980	2.144.844.980	-	-
Các đối tượng khác	399.405.290	399.405.290	911.707.415	911.707.415
Cộng	2.544.250.270	2.544.250.270	911.707.415	911.707.415

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUẤN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2016		Số phải nộp		Số đã thực nộp/ Số đã khấu trừ		31/12/2016	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	12.188.922.296	-	10.860.112.755	13.500.571.980	9.548.463.071	-		
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	32.947.208	32.947.208	-	-		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.149.716.528	-	2.403.484.255	-	12.553.200.783	-		
Thuế thu nhập cá nhân	720.192.307	-	-	-	720.192.307	-		
Các loại thuế khác	-	-	304.857.897	304.857.897	-	-		
Cộng	23.058.831.131	-	13.601.402.115	13.838.377.085	22.821.856.161	-		

5.15. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	318.539.445.998	318.539.445.998	1.100.365.658.201	981.408.957.076	199.582.744.873	199.582.744.873
<i>Vay bằng VND</i>						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (i)	192.137.019.280	192.137.019.280	431.451.716.837	379.658.547.420	140.343.849.863	140.343.849.863
<i>Vay bằng USD</i>						
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	60.065.294.718	60.065.294.718	499.546.486.764	494.653.773.146	55.172.581.100	55.172.581.100
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (i)	66.337.132.000	66.337.132.000	169.367.454.600	107.096.636.510	4.066.313.910	4.066.313.910
Vay dài hạn đến hạn trả	48.008.411.058	48.008.411.058	-	-	46.530.000.000	46.530.000.000
(Trình bày thuyết minh vay dài hạn)						
Cộng	366.547.857.056	366.547.857.056	1.100.365.658.201	981.408.957.076	246.112.744.873	246.112.744.873

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/1497403/HĐTD ngày 08 tháng 06 năm 2016. Hạn mức tín dụng ngắn hạn với số tiền tối đa là 400 tỷ đồng bao gồm cả Việt Nam Đồng và ngoại tệ quy đổi (hạn mức này đã bao gồm toàn bộ dư L/C và dư nợ ngắn hạn theo hạn mức cũ chuyển sang), trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn tối đa là 250 tỷ đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động trong phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là: toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển và các khoản phải thu trong nước, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ hợp đồng xuất khẩu; Số dư tài khoản tiền gửi của Công ty mở tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản phải thu từ hợp đồng kinh tế mà Công ty là người thụ hưởng; Dây chuyền máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt Đại Cường Thái Bình công suất 4.500 tấn/năm; Các tài sản đảm bảo khác của Công ty và bên thứ ba.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng (HDBank) theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1809/16/HỆTDHM-DN/099 ngày 10 tháng 06 năm 2016. Hạn mức cho vay không vượt quá 50 tỷ đồng. Mục đích vay vốn là thanh toán LC cho HDBank phát hành; thanh toán nhập khẩu bông xơ theo phương thức thanh toán trực tiếp, nhờ thu qua HDBank; thanh toán nhập khẩu bông, xơ thông qua ủy thác nhập khẩu; thanh toán tiền thu mua bông xơ do bên thứ ba nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài, thanh toán tiền mua bông xơ từ các đơn vị sản xuất trong nước; thanh toán tiền điện, tiền lương công nhân. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là: Tiền gửi, số tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi tại HDBank thuộc quyền sở hữu sử dụng của Công ty; Nhà cửa vật kiến trúc trên đất tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 17 tại KCN Nguyễn Đức Cảnh; Máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất sợi OE; Lô hàng nhập khẩu là bông, xơ hình thành trong tương lai được thanh toán hoặc bảo lãnh thư tín dụng qua HD Bank; Nguyên vật liệu là bông, xơ tại kho được nhập khẩu, mua trong nước bằng vốn tự có hoặc vốn vay HD Bank; Sợi thành phẩm chờ xuất khẩu; Nguồn thu từ bộ chứng từ giao hàng xuất khẩu hoàn hảo theo LC thuộc quyền sở hữu của Công ty; Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUẢN
 Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
 Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Các khoản vay dài hạn của Công ty	421.295.746.334	421.295.746.334	418.549.481	44.216.388.880	465.093.585.733	465.093.585.733
Vay tổ chức tín dụng bằng VND						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (i)	89.923.610.032	89.923.610.032	-	5.321.151.317	95.244.761.349	95.244.761.349
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (ii)	29.027.587.500	29.027.587.500	-	4.882.412.500	33.910.000.000	33.910.000.000
Vay tổ chức tín dụng bằng USD						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (ii)	8.293.029.626	8.293.029.626	165.569.481	74.597.239	8.202.057.384	8.202.057.384
Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	294.051.519.176	294.051.519.176	252.980.000	33.938.227.824	327.736.767.000	327.736.767.000
Vay tổ chức tín dụng bằng VND						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình (iii)	260.280.279.176	260.280.279.176	-	27.424.247.824	287.704.527.000	287.704.527.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (iv)	21.100.000.000	21.100.000.000	-	6.400.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000
Vay tổ chức tín dụng bằng ngoại tệ (USD)						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội (iv)	12.671.240.000	12.671.240.000	252.980.000	113.980.000	12.532.240.000	12.532.240.000
Cộng	421.295.746.334	421.295.746.334	418.549.481	44.216.388.880	465.093.585.733	465.093.585.733

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUẬN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông,
Phường Tiên Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính, kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)				
	Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(48.008.411.058)	(48.008.411.058)	-	(46.530.000.000)
	(được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)				
	Vay tổ chức tín dụng bằng VND				
	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình	(15.372.848.683)	(15.372.848.683)	-	(7.200.000.000)
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội	(21.788.542.375)	(21.788.542.375)	-	(13.830.000.000)
	Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường				
	Vay tổ chức tín dụng bằng VND				
	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình	-	-	-	(8.000.000.000)
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội	(10.847.020.000)	(10.847.020.000)	-	(17.500.000.000)
	Cộng vay dài hạn	373.287.335.276	373.287.335.276		418.563.585.733
					418.563.585.733

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình theo các hợp đồng vay vốn tín dụng như sau:

Hợp đồng vay vốn tín dụng Đầu tư phát triển của Nhà nước số 03/2007/HETD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2014/HETDĐT-NHPT ngày 31/12/2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn tín dụng Đầu tư phát triển của nhà nước tối đa là 90.400.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quận 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12/2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30/11/2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chỉ tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 7,8%, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là Tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB - Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quận 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

Hợp đồng vay vốn ODA KFW số 01/2007/HETD ngày 10/01/2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01A/2014/HODDA-NHPT ngày 31/12/2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn ODA tối đa là 34.600.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quận 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ tháng 2/2008, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12/2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30/11/2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chỉ tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 9%, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB - Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quận 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng số 150/2007/0320 ngày 06 tháng 03 năm 2007 và văn bản bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/0320/PL ngày 17 tháng 6 năm 2014, với tổng số tiền cho vay là 49 tỷ đồng bao gồm cả ngoại tệ quy đổi và không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của dự án. Mục đích vay để tài trợ phần máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng phục vụ Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt Đại Cường Thái Bình công suất 4.500 tấn/năm. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên, kỳ hạn trả gốc cuối cùng là quý 4 năm 2018. Lãi suất cho vay thả nổi. Hình thức đảm bảo tiền vay là: Toàn bộ là tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển- Chi nhánh Bắc Hà Nội là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty và bên thứ ba; nguồn thu từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng; toàn bộ số dư tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội và các tổ chức tín dụng khác.
- (iii) Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Số lãi phải trả đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 được chi trả theo lịch trả nợ từ quý 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 1 năm 2025. Khoản vay kế thừa lại theo các hợp đồng gốc sau:
- Hợp đồng số 08/2008/HĐTD ngày 26 tháng 03 năm 2008. Thời hạn vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 6,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 205.304.527.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.
 - Hợp đồng số 01/2011/HĐTĐĐT-NHPT ngày 28 tháng 01 năm 2008. Thời hạn vay là 14 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 82.700.000.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.
- (iv) Theo hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ vay dài hạn số 150/1497403/HĐ/01 ngày 31/12/2015, Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay chuyển giao theo hợp đồng gốc số 150/2006/151 ngày 13 tháng 2 năm 2006. Tổng số tiền nhận nợ gốc là 27.500.000.000 đồng và 556.000 USD. Kỳ hạn trả nợ gốc theo quý, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là quý 4 năm 2017. Lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay gồm nhà xưởng và máy móc thiết bị của phân xưởng PE (thuộc nhà máy Đại Cường 1) của Công ty; tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng; các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế phát sinh mà Công ty là bên thụ hưởng.

10 x 11,5 D.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.17. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	150.000.000.000	722.870.655	150.722.870.655
Vốn góp tăng trong năm	350.000.000.000	-	350.000.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	69.882.070.481	69.882.070.481
Trả cổ tức	-	(40.850.000.000)	(40.850.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	500.000.000.000	29.754.941.136	529.754.941.136
Lợi nhuận tăng trong năm	-	37.686.809.448	37.686.809.448
Số dư tại ngày 31/12/2016	<u>500.000.000.000</u>	<u>67.441.750.584</u>	<u>567.441.750.584</u>

b. Các giao dịch về vốn với Chủ sở hữu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn góp của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	350.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	40.850.000.000

c. Cổ phiếu

	Năm 2016 Cổ phiếu	Năm 2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

H. O. I.
 TRƯ
 K
 TỬ
 TIAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.161.170.997.292	963.105.680.787
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán thành phẩm	769.817.959.320	722.961.951.804
- Doanh thu bán hàng hóa	391.353.037.972	240.143.728.983
Các khoản giảm trừ doanh thu	517.055.970	259.058.864
- Giảm giá hàng bán	517.055.970	259.058.864
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.160.653.941.322	962.846.621.923

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	698.636.201.995	616.797.234.377
Giá vốn hàng hóa đã bán	355.171.121.132	226.036.073.192
Cộng	1.053.807.323.127	842.833.307.569

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	46.821.805	138.028.907
Lãi cho vay ngắn hạn	7.416.650.524	8.964.377.262
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.059.342.332	1.347.222.404
Lãi bán hàng trả chậm	5.964.327.401	-
Cộng	18.487.142.062	10.449.628.573

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	53.150.384.322	27.267.110.824
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.914.409.234	10.079.343.826
Cộng	59.064.793.556	37.346.454.650

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Lương và các khoản trích theo lương	5.125.562.665	3.995.446.736
Phí dịch vụ bảo vệ	2.291.533.324	1.578.040.000
Phí ngân hàng	6.320.707.365	4.847.031.793
Phí bảo hiểm	1.307.123.172	398.348.833
Phí thuê hạ tầng	1.148.114.237	706.090.546
Phí dịch vụ tư vấn	245.454.545	1.527.563.228
Chi phí khác	7.817.910.215	4.279.368.743
Cộng	24.256.405.523	17.331.889.879
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Phí vận chuyển	3.371.945.246	4.341.917.988
Phí nâng hạ	606.979.078	1.824.914.733
Phí dịch vụ hỗ trợ thủ tục xuất khẩu	597.430.142	801.009.834
Chi phí hoa hồng	800.912.444	1.560.785.978
Chi phí bảo hiểm	635.485.997	626.702.000
Cộng	6.012.752.907	9.155.330.533

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi vay được miễn bởi ngân hàng	-	5.794.341.549
Thu tiền bông giao hàng thiếu từ nhà cung cấp	-	3.099.630.255
Thu tiền phạt lãi nộp chậm thanh toán	1.431.914.692	5.464.844.246
Thu từ cho thuê máy móc	-	277.587.000
Bồi thường do thiên tai	15.785.421.166	-
Các khoản thu nhập khác	3.316.299.189	403.319.054
Cộng	20.533.635.047	15.039.722.104

6.7. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thiệt hại do thiên tai	15.785.421.166	-
Phạt chậm nộp thuế	-	2.165.507.530
Các khoản chi phí khác	657.728.449	181.831.021
Cộng	16.443.149.615	2.347.338.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	40.090.293.703	79.321.651.418
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	657.728.449	2.210.078.571
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	<i>657.728.449</i>	<i>2.234.448.932</i>
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>(24.370.361)</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền và công nợ phải thu	-	(24.370.361)
Tổng thu nhập chịu thuế	40.748.022.152	81.531.729.989
<u>Trong đó:</u>		
- Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi 7,5% (i)	18.000.853.190	41.751.648.877
- Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi 10% (ii)	-	-
- Thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi	5.267.101.330	28.673.669.609
- Thu nhập đang được miễn thuế (ii)	17.480.067.633	11.106.411.503
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất ưu đãi	7,5%	7,5%
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.403.484.255	9.439.580.980
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.403.484.255	9.439.580.980

(i) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) áp dụng cho Nhà máy kéo sợi 4.500 tấn - Đại Cường 2 là 15% lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (là năm 2009). Ngoài ra theo Giấy chứng nhận đầu tư số 08201000002 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp ngày 4 tháng 1 năm 2007, Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (là năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 7 năm tiếp theo. Năm 2016 Nhà máy Đại Cường 2 chịu thuế suất thuế TNDN là 7,5%.

(ii) Trong tháng 9 năm 2015, Công ty nhận bàn giao tài sản góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường và thực hiện kế thừa ưu đãi thuế tương ứng với dự án đầu tư các tài sản này như sau:

- Dự án xưởng kéo sợi OE công suất 1.740 tấn/năm và Dự án xưởng kéo sợi PE công suất 2.000 tấn/năm (Thuộc nhà máy Đại Cường 1) hưởng thuế suất ưu đãi là 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2004), được miễn thuế TNDN trong vòng 6 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (Dự án chưa có lợi nhuận chịu thuế, năm thứ tư có doanh thu là năm 2007) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 8 năm tiếp theo. Năm 2016 Nhà máy Đại Cường 1 chịu thuế suất thuế TNDN là 10%.
- Dự án Nhà máy Đại Cường 5 công suất 8.700 tấn/năm hưởng thuế suất ưu đãi là 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2012), được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (Dự án chưa có lợi nhuận chịu thuế, năm thứ tư có doanh thu là năm 2015) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 5 năm tiếp theo. Năm 2016, Nhà máy Đại Cường 5 được miễn thuế TNDN.

712,
 G T
 M H
 CÁN
 TÀI CI
 T T E
 N - 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

6.9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.686.809.448	69.882.070.438
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.686.809.448	69.882.070.438
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	50.000.000	23.106.180
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (*)	754	3.024
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

(*) Năm 2015, Công ty không thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi. Đồng thời, tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa đến kỳ tiến hành Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017. Theo đó, Công ty không ước tính quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích lập khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	536.778.117.959	485.670.826.521
Chi phí nhân công	51.165.790.879	20.771.767.308
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.937.917.317	33.358.061.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.971.862.681	88.463.807.365
Chi phí khác bằng tiền	8.045.904.047	52.366.446.411
Cộng	728.899.592.883	680.630.909.439

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 và 5.16 trừ đi Tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay	739.835.192.332	664.676.330.606
<i>Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>124.288.942.591</i>	<i>6.473.952.985</i>
Nợ thuần	615.546.249.741	658.202.377.621
Vốn chủ sở hữu	567.441.750.584	529.754.941.136
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	108,48%	124,25%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.288.942.591	6.473.952.985
Phải thu khách hàng và phải thu khác	414.201.352.489	267.222.960.039
Các khoản ký quỹ	-	7.872.217.008
Cộng	538.490.295.080	386.710.320.329
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	739.835.192.332	664.676.330.606
Phải trả người bán và phải trả khác	183.941.966.873	124.739.920.461
Chi phí phải trả	156.783.062.393	129.677.522.891
Cộng	1.080.560.221.598	919.093.773.958

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản	
	31/12/2016	01/01/2016
Đô la Mỹ (USD)	3.684.600,01	8.570.628,35
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.006.674	4.421.418,39
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.677.926,01	4.149.209,96
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	19.923,88	1.005.338,00
Euro (EUR)	-	54.113,48
- Tiền và các khoản tương đương tiền	-	54.113,48
Bảng Anh (GPB)	-	27.756,69
- Tiền và các khoản tương đương tiền	-	27.756,69
	Công nợ	
Đô la Mỹ (USD)	13.342.332,94	19.107.957,98
- Các khoản vay	6.463.976,77	10.836.870,29
- Phải trả người bán và phải trả khác	6.443.432,98	8.002.461,94

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	124.288.942.591	-	124.288.942.591
Phải thu khách hàng và phải thu khác	414.201.352.489	-	414.201.352.489
Các khoản ký quỹ	-	-	-
Cộng	538.490.295.080	-	538.490.295.080
Tại ngày 31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	183.941.966.873	-	183.941.966.873
Chi phí phải trả	38.762.038.354	118.021.024.039	156.783.062.393
Các khoản vay	366.547.857.056	373.287.335.276	739.835.192.332
Cộng	589.251.862.283	491.308.359.315	1.080.560.221.598
Chênh lệch thanh khoản thuần	(50.761.567.203)	(491.308.359.315)	(542.069.926.518)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.473.952.985	-	6.473.952.985
Phải thu khách hàng và phải thu khác	267.222.960.039	-	267.222.960.039
Các khoản ký quỹ	7.581.271.590	290.945.418	7.872.217.008
Cộng	386.419.374.911	290.945.418	386.710.320.329
Tại ngày 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	124.739.920.461	-	124.739.920.461
Chi phí phải trả	9.077.708.998	120.599.813.893	129.677.522.891
Các khoản vay	246.112.744.873	418.563.585.733	664.676.330.606
Cộng	379.930.374.332	539.163.399.626	919.093.773.958
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.489.000.579	(538.872.454.208)	(532.383.453.629)

01/CC/CH/TEM/VAI/QU/1X

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

7.2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR
Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường
Ông Lê Mạnh Thường
Ông Phạm Thành Đông
Ông Phạm Ngọc Toàn

Mối quan hệ

Cùng chủ sở hữu
Công ty có liên quan
Cùng chủ sở hữu
Cổ đông sáng lập
Cổ đông sáng lập
Cổ đông sáng lập

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	13.069.856.520	41.238.038.138
Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Cường	-	1.536.698.618
Công ty cổ phần đầu tư 3GR	13.069.856.520	39.701.339.520
Trả trước cho người bán ngắn hạn	73.093.765.848	6.861.930.112
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	63.599.365.962	6.861.930.112
Các khoản phải thu khác	4.747.199.943	1.055.782.303
Phạm Thành Đông	2.400.743.012	527.891.151
Phạm Ngọc Toàn	2.346.456.931	527.891.152
Cho vay	-	105.141.190.297
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	-	49.304.076.297
Phạm Thành Đông	-	27.918.557.000
Phạm Ngọc Toàn	-	27.918.557.000
Phải trả khác	-	1.359.500
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	-	1.359.500

71
TỔNG
KẾ
TOÁN
TÀI
CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên Quan (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng	117.786.136.481	167.692.064.356
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	47.206.000.000	124.258.039.750
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	70.580.136.481	43.434.024.606
Mua hàng hóa, dịch vụ	162.318.457.775	144.990.520.435
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	12.828.802.875	71.135.523.801
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	149.489.654.900	73.854.996.634
Lãi cho vay, lãi trả chậm	917.894.179	8.964.377.261
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	917.894.179	7.908.594.959
Ông Phạm Thành Đông	-	527.891.151
Ông Phạm Ngọc Toàn	-	527.891.151
Góp vốn bằng tiền và tài sản	-	350.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	-	350.000.000.000
Chia cổ tức	-	40.137.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	-	26.600.000.000
Ông Lê Mạnh Thường	-	10.830.000.000
Ông Phạm Thành Đông	-	1.353.750.000
Ông Phạm Ngọc Toàn	-	1.353.750.000
Cho vay	115.000.000.000	105.141.190.297
Công ty Cổ phần Bất động sản Đại Cường	115.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	-	49.304.076.297
Ông Phạm Thành Đông	-	27.918.557.000
Ông Phạm Ngọc Toàn	-	27.918.557.000
Thu hồi khoản cho vay	105.141.190.297	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	49.304.076.297	
Ông Phạm Thành Đông	27.918.557.000	
Ông Phạm Ngọc Toàn	27.918.557.000	
Tạm ứng	-	70.000.000.000
Ông Lê Mạnh Thường	-	70.000.000.000
Hoàn ứng	-	70.000.000.000
Ông Lê Mạnh Thường	-	70.000.000.000
Giảm vốn góp	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	100.000.000.000	-
Trả tiền vay	55.837.114.000	-
Ông Phạm Ngọc Toàn	27.918.557.000	-
Ông Phạm Thành Đông	27.918.557.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Khoản mục	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lương và phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc	403.500.000	396.000.000
Cộng	403.500.000	396.000.000

7.3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 /2014/TT-BTC trên Báo cáo tài chính năm nay. Chi tiết như sau:

NGUỒN VỐN	Mã số	Số liệu ngày	Phân loại lại	Số sau
		01/01/2016 trên báo cáo kiểm toán		phân loại lại
		VND	VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	946.578.068.445	-	946.578.068.445
I. Nợ ngắn hạn	310	407.414.668.819	-	407.414.668.819
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.093.960.656	(38.690.165)	4.055.270.491
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	-	38.690.165	38.690.165
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.476.333.009.581	-	1.476.333.009.581



Nguyễn Thị Mai
Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Đức Cảnh
Kế toán trưởng

Hoàng Khắc Huy
Người lập